



FICR

RESEARCH PAPER SERIES

CHÍNH SÁCH THUẾ

*Thúc đẩy tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế
của Trung Quốc và khuyến nghị cho Việt Nam*

FICR Research Paper Series No.2-2025

Lê Thanh Thùy Dương
Nguyễn Thị Nhật Thu
Trần Thị Thanh Thủy
Nguyễn Ngọc Hà

Tóm tắt

Phát triển kinh tế tuần hoàn là một trong những lựa chọn chính sách mà nhiều quốc gia theo đuổi để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững theo Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hiệp Quốc. Một trong những khía cạnh quan trọng của kinh tế tuần hoàn là khả năng tái sử dụng những nguyên liệu, vật liệu hay sản phẩm thải bỏ của một quy trình sản xuất, sau khi tiêu dùng cho một quy trình sản xuất mới, từ đó, tạo

ra những sản phẩm tái chế. Để thúc đẩy việc sử dụng sản phẩm tái chế, Trung Quốc đã ban hành và thực hiện một số chính sách ưu đãi liên quan đến lĩnh vực này, trong đó có các chính sách về thuế. Nghiên cứu này được thực hiện để phân tích các chính sách ưu thuế thúc đẩy tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế của Trung Quốc, đánh giá các kết quả đạt được, từ đó, đưa ra các khuyến nghị đối với Việt Nam.

Từ khóa: Ưu đãi thuế, tái chế, sản phẩm tái chế, Trung Quốc, Việt Nam

Abstract

Developing a circular economy is one of the policy options that many countries pursue to achieve sustainable development goals according to the United Nations 2030 Agenda. One of the important aspects of a circular economy is the ability to reuse raw materials, materials or waste products of a production process, after consumption, for a new production

process, thereby creating recycled products. To promote the use of recycled products, China has issued and implemented a number of preferential policies related to this field, including tax policies. This study was conducted to analyze tax policies promoting recycling and the use of recycled products in China, thereby making recommendations for Vietnam.

Key words: Tax incentives, recycling industry, recycled products, China, Vietnam

Các tác giả



Lê Thanh Thùy Dương

TS., Phó Trưởng khoa Tiếng Trung Quốc, Trường Đại học ngoại thương. Cô phụ trách các môn học tiếng Trung thương mại và tiếng Trung trong kinh doanh quốc tế. Cô nghiên cứu chuyên sâu về kinh doanh quốc tế và kinh tế quốc tế. Công việc của cô chủ yếu là giảng dạy, nghiên cứu, phát triển Chương trình đào tạo và triển khai hợp tác quốc tế trong giáo dục với Trung Quốc.

Email: duongltht@ftu.edu.vn.



Nguyễn Thị Nhật Thu

TS., Giảng viên Khoa Tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại thương. Cô có 20 năm kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu liên quan đến thương mại quốc tế, marketing, thương mại điện tử, ngôn ngữ thương mại, khởi nghiệp sáng tạo, quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam-Trung Quốc. Cô chủ trì, tham gia nhiều đề tài và chương trình nghiên cứu trong và ngoài nước. Cô đã được Trường Đại học HEC Montreal cấp chứng chỉ Giảng viên nguồn/Mentor và Giám khảo về Kinh doanh tạo tác động xã hội (SBC), đồng thời đạt nhiều thành tích cao trong hoạt động hướng dẫn sinh viên dự thi Khởi nghiệp kinh doanh trong nước và quốc tế.

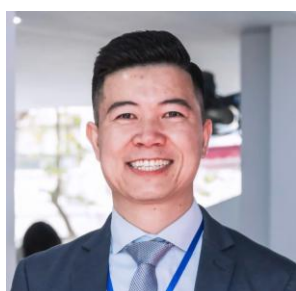
Email: thunm@ftu.edu.vn



Trần Thị Thanh Thủy

TS., Giảng viên Khoa Luật, Trường Đại học Ngoại thương, tốt nghiệp chuyên ngành Luật hình sự tại trường Đại học Tài chính và Pháp luật Trung Nam, Vũ Hán, Trung Quốc. Hướng nghiên cứu chính: tội phạm và hình phạt, Luật hình sự trong lĩnh vực kinh tế, trách nhiệm hình sự của pháp nhân, các vấn đề pháp lý hình sự đối với AI. Cô tham gia nhiều đề tài và chương trình nghiên cứu trong và ngoài nước về lĩnh vực pháp luật hình sự trong lĩnh vực kinh tế.

Email: tranthanhthuy911@ftu.edu.vn



Nguyễn Ngọc Hà

PGS. TS., Viện trưởng Viện Nghiên cứu sáng tạo, giảng viên Khoa Luật, Trường Đại học Ngoại thương, nghiên cứu viên liên kết của Chương trình nghiên cứu về các thách thức mới của toàn cầu hóa, Trường Đại học Laval (Canada), thành viên Chương trình WTO Chair tại Trường Đại học Ngoại thương. Thầy tập trung giảng dạy và nghiên cứu về luật thương mại quốc tế, giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế, sáng tạo và phát triển bền vững... Thầy là tác giả của nhiều công trình được xuất bản trong và ngoài nước về lĩnh vực này.

Email: hann@ftu.edu.vn

Trích dẫn – Citation:

Lê Thanh Thùy Dương, Nguyễn Thị Nhật Thu, Trần Thị Thanh Thủy & Nguyễn Ngọc Hà (2025), "Chính sách thuế thúc đẩy tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế của Trung Quốc và khuyến nghị cho Việt Nam", *FICR Research Paper Series*, n°. 2.

Công trình nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sở sự tài trợ của Trường Đại học Ngoại thương trong khuôn khổ hoạt động FICR Research Paper Series của Viện Nghiên cứu sáng tạo nhằm thúc đẩy các nghiên cứu liên ngành, xuyên ngành về sáng tạo và phát triển bền vững. Công trình nghiên cứu thể hiện quan điểm của các tác giả, không thể hiện quan điểm của Trường Đại học Ngoại thương hay bất kỳ bên nào khác. Bản quyền thuộc Trường Đại học Ngoại thương.
© Trường Đại học Ngoại thương.

MỤC LỤC

Tóm tắt.....	i
Các tác giả.....	iii
Danh mục từ viết tắt	vi
1. Lời nói đầu.....	1
2. Khung lý thuyết về chính sách thuế thúc đẩy tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế	1
2.1. Tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế	1
2.2. Lý thuyết về chính sách thuế	3
2.2.2. Lý thuyết về hiệu quả kinh tế (Efficiency Theory)	4
2.2.3. Lý thuyết về điều chỉnh hành vi (Behavioral Economics)	4
2.2.4. Lý thuyết về chi phí xã hội (Social Cost Theory)	4
2.3. Lý thuyết liên quan đến chính sách thuế và phí trong bối cảnh kinh tế tuần hoàn	5
3. Chính sách thuế của Trung Quốc thúc đẩy tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế.....	6
3.1. Giới thiệu chung.....	6
3.2. Một số nội dung chính về chính sách thuế GTGT đối với ngành sử dụng tài nguyên toàn diện tại Trung Quốc.....	12
3.3. Một số nội dung chính về chính sách thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp sử dụng tài nguyên toàn diện tại Trung Quốc.....	15
4. Thực trạng thực hiện chính sách ưu đãi thuế trong lĩnh vực tái chế tại Trung Quốc	16
5. Đánh giá các chính sách ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp tái chế và sản phẩm tái chế.....	20
5.1. Kết quả đạt được.....	20
5.2. Một số vấn đề chính về thuế mà ngành tài nguyên tái chế đang đối mặt	27
6. Khuyến nghị chính sách cho Việt Nam	29
Tài liệu tham khảo	31
Phụ lục 1: Danh mục ưu đãi thuế GTGT cho các sản phẩm dịch vụ sử dụng tài nguyên toàn diện (năm 2022).....	35
Phụ lục 2. Danh mục ưu đãi thuế TNDN cho các doanh nghiệp sử dụng tài nguyên toàn diện (năm 2021).....	51

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
EPR	: Extended Producer Responsibility Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xu
GTGT	: Giá trị gia tăng
KTTH	: Kinh tế tuần hoàn
MSW	: Municipal Solide Waste Chất thải rắn đô thị
TNDN	: Thu nhập doanh nghiệp
VAT	: Thuế giá trị gia tăng

1. Lời nói đầu

Phát triển kinh tế tuần hoàn là một trong những lựa chọn chính sách mà nhiều quốc gia theo đuổi để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững theo Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hiệp Quốc. Một trong những khía cạnh quan trọng của kinh tế tuần hoàn là khả năng tái sử dụng những nguyên liệu, vật liệu hay sản phẩm thải bỏ của một quy trình sản xuất (sau đây gọi chung là nguyên liệu tái chế), để sử dụng cho một quy trình sản xuất mới và tạo ra những sản phẩm tái chế. Ở nhiều quốc gia, đã và đang hình thành chuỗi thu mua nguyên liệu tái chế, doanh nghiệp tái chế, ngành công nghiệp tái chế. Để thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp tái chế, sử dụng sản phẩm tái chế, một quốc gia, vùng lãnh thổ có thể ban hành những chính sách ưu đãi, trong đó có chính sách về thuế. Từ góc độ này, có thể thấy Trung Quốc là một trường hợp khá điển hình. Trung Quốc đã ban hành và thực hiện một số chính sách ưu đãi về thuế, với những biện pháp hỗ trợ đi kèm giúp phát triển ngành kinh tế quan trọng này. Nghiên cứu này được thực hiện để phân tích các chính sách thuế thúc đẩy tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế của Trung Quốc, đưa ra các đánh giá về những thành công và hạn chế, từ đó, đưa ra các khuyến nghị đối với Việt Nam để Việt Nam có thể xây dựng được những chính sách phù hợp trong lĩnh vực tái chế.

2. Khung lý thuyết về chính sách thuế thúc đẩy tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế

2.1. Tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế

Tái chế được coi là một trong những cách thức hiệu quả để quản lý chất thải với lợi ích mở rộng từ việc bảo tồn tài nguyên và tiết kiệm năng lượng gián tiếp từ việc tránh khai thác nguyên liệu thô¹. Các nước phát triển đã thiết lập hệ thống tái chế cho nhiều loại tài nguyên có thể tái chế và chất thải rắn đô thị (Municipal Solid Waste, MSW)². Cách thức để có được sự hỗ trợ tài chính cho hệ thống tái chế bao gồm trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (Extended Producer Responsibility, EPR) đã được thảo

¹ Banar M, Cokaygil Z, Ozkan A (2009). Life cycle assessment of solid waste management options for Eskisehir, Turkey. Waste Management 2009;29:54–62.

² Yoshida F (2007). The Cyclical Economy of Japan. 2nd ed. Hokkaido, Japan: Hokkaido University Press; 2007; Wei MS, Huang KH (2001). Recycling and reuse of industrial wastes in Taiwan. Waste Management 2001;21:93–7; Tsai WT, Chou YH (2004). A review of environmental and economic regulations for promoting industrial waste recycling in Taiwan. Waste Management 2004;24: 1061–9; Sakai S, Ikematsu T, Hirai Y, Yoshida H (2008). Unit-charging programs for municipal solid waste in Japan. Waste Management 2008;28:2815–25.

luận rộng rãi³, các hệ thống tái chế xuyên biên giới cũng ngày càng nhận được nhiều sự chú ý hơn⁴.

Nhiều nước phát triển áp dụng các nguyên tắc EPR để ban hành luật và quy định bắt buộc về tái chế rác thải điện tử⁵. EPR yêu cầu nhà sản xuất phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ vòng đời của sản phẩm, đặc biệt là đối với việc thu gom, tháo dỡ và tái sử dụng ở giai đoạn cuối vòng đời của sản phẩm⁶. Liên minh Châu Âu (European Union, EU) tích cực ủng hộ EPR về quản lý rác thải điện tử và đã ban hành ba Chỉ thị chính là WEEE (2002/96/EC), RoHS (2002/95/EC) và EuP (2005/32/EC). Luật Tái chế thiết bị gia dụng, được Nhật Bản thực hiện vào năm 2001, quy định rằng nhà sản xuất phải xem xét việc tái chế sản phẩm trong thiết kế và sản xuất và áp dụng tái tạo tài nguyên và xử lý rác thải điện tử thành các sản phẩm cuối vô hại một mình hoặc chung⁷. Ở Hoa Kỳ, các dự luật xử lý rác thải điện tử dựa trên trách nhiệm của nhà sản xuất đã được thông qua tại 24 tiểu bang kể từ năm 2004⁸.

Tại Trung Quốc, tái chế được coi là một chiến lược hiệu quả để giải quyết các vấn đề về chất thải xây dựng và phá dỡ (Construction and Demolition Waste, C&D)⁹. Tuy nhiên, hệ thống tái chế hiện tại của Trung Quốc về cơ bản là một hệ thống thị trường tự do hoạt động với ít sự giám sát của chính phủ. Các doanh nghiệp thu gom và tái chế là những tác nhân chính, chỉ những chất thải nguy hại được phân loại được coi là gây nguy hiểm trực tiếp cho sức khỏe con người và môi trường mới được các cơ quan bảo vệ môi trường giám sát chặt chẽ¹⁰. Tuy nhiên, nhiều loại chất thải tái chế khác có

³ Bilitewski B (2008). From traditional to modern fee systems. *Waste Management* 2008;2 8:2760–6.

⁴ Williams E, Kahhat R, Allenby B, Kavazanjian E, Kim J, Xu M (2008). Environmental, social, and economic implications of global reuse and recycling of personal computers. *Environmental Science and Technology* 2008;42:6446–54; Yoshida F (2007). *The Cyclical Economy of Japan*. 2nd ed. Hokkaido, Japan: Hokkaido University Press; 2007.

⁵ Jaiswal A, Samuel C, Patel BS, Kumar M (2015). Go green with WEEE: eco-friendly approach for handling e-waste. *Procedia Comput Sci* 2015;46:1317–24; Cruz NF, Ferreira S, Cabral M, Simões P, Marques RC (2014). Packaging waste recycling in Europe: Is the industry paying for it? *Waste Manage* 2014;34:298–308.

⁶ Organization for Economic Co-operation and Development (OECD) (2001). *Extended producer responsibility: a guidance manual for governments*. Paris; 2001.

⁷ Ogushi Y, Kandlikar M (2007). Assessing extended producer responsibility laws in Japan. *Environ Sci Technol* 2007;41:4502–8.

⁸ Atasu A, Ozdemir O, Wassenhove (2013). Stakeholder perspectives on e-waste take-back legislation. *Prod Oper Manag* 2013;22:382–96.

⁹ Deng WJ, Louie PKK, Liu WK, Bi XH, Fu JM, Wong (2006). Atmospheric levels and cytotoxicity of PAHs and heavy metals in TSP and PM_{2.5} at an electronic waste recycling site in southeast China. *Atmospheric Environment* 2006;40:6945–55.

¹⁰ Duan HB, Huang QF, Wang Q, Zhou BY, Li JH (2008). Hazardous waste generation and management in China: a review. *Journal of Hazardous Materials* 2008;158:221–7.

Ministry of Environmental Protection of PRC (MEP) (1999). *Measures on Duplicated Form for Transfer of Hazardous Wastes Measures on the Management of Hazardous Waste Manifests*. MEP,

khả năng gây nguy hiểm và đã gây ra nhiều vấn đề, việc xử lý tái chế không chính thức đã gây ra các vấn đề nghiêm trọng về môi trường và sức khỏe ở Trung Quốc, và việc đổ chất thải không tái chế bất hợp pháp cũng xảy ra¹¹.

2.2. Lý thuyết về chính sách thuế

2.2.1. Lý thuyết về sự công bằng (Equity Theory)

Các nhà kinh tế cho rằng chính sách thuế cần phải công bằng và hợp lý, thuế nên được áp dụng theo nguyên tắc khả năng chi trả, tức là người có thu nhập cao hơn sẽ đóng thuế cao hơn. Theo cách tiếp cận dựa trên nguyên tắc lợi ích, mối quan hệ giữa người nộp thuế và nhà nước được nhìn nhận như một dạng giao dịch trao đổi. Cụ thể, nhà nước cung cấp các hàng hóa và dịch vụ công cộng, còn người dân – với tư cách là người thụ hưởng – sẽ đóng thuế như một hình thức thanh toán cho những lợi ích mà họ nhận được. Trong khuôn khổ quan điểm này, nghĩa vụ nộp thuế được hiểu là tương ứng với mức độ hưởng lợi từ các dịch vụ công, và việc đóng thuế chỉ xảy ra nếu người dân thực sự nhận được phúc lợi từ nhà nước. Tuy nhiên, hướng tiếp cận này vấp phải những phản biện đáng kể. Việc ngầm định rằng thuế là một quan hệ có hoàn trả trực tiếp (quyền lợi đi kèm nghĩa vụ theo kiểu đối giá) đã đi ngược lại bản chất phổ quát của thuế, vốn được xem là khoản đóng góp bắt buộc, không hoàn trả trực tiếp cho nhà nước nhằm phục vụ lợi ích chung. Trên thực tế, hệ thống thuế hiện đại được xây dựng dựa trên nguyên tắc công bằng xã hội và năng lực đóng góp, chứ không phải chỉ dựa trên mức độ lợi ích nhận được từ nhà nước¹².

Theo quan điểm công bằng dựa trên khả năng chi trả, thuế không phải là khoản đóng góp mang tính trao đổi trực tiếp giữa cá nhân và nhà nước, mà là trách nhiệm tài chính mang tính bắt buộc, xuất phát từ chức năng phân phối và điều tiết của nhà nước trong xã hội. Những phúc lợi xã hội, quyền lợi công dân hay dịch vụ công mà cá nhân và tổ chức được hưởng là kết quả của chính sách công cộng, không phụ thuộc trực tiếp vào số thuế mà mỗi người đã đóng. Trong cách tiếp cận này, việc xác định nghĩa vụ thuế được thực hiện theo nguyên tắc công bằng chiều dọc, tức là người có thu nhập hoặc khả năng tài chính cao hơn sẽ phải đóng góp nhiều hơn. Mức thuế phải nộp được điều

Beijing, China, 1999 [in Chinese]; Ministry of Environmental Protection of PRC (MEP) (2008). National Catalogue of Hazardous Wastes. MEP, Beijing, China, 2008 [in Chinese].

¹¹ Deng WJ, Louie PKK, Liu WK, Bi XH, Fu JM, Wong (2006). Atmospheric levels and cytotoxicity of PAHs and heavy metals in TSP and PM_{2.5} at an electronic waste recycling site in southeast China. *Atmospheric Environment* 2006;40:6945–55; Leung A, Cai ZW, Wong MH (2006). Environmental contamination from electronic-waste recycling at Guiyu, Southeast China. *Journal of Material Cycles and Waste Management* 2006;8:21–33; Huo X, Peng L, Xu X, Zheng L, Qiu B, Qi Z, et al (2007) Elevated blood levels of children in Guiyu, an electronic waste recycling town in China. *Environmental Health Perspectives* 2007;115:1113–7.

¹² Nguyễn Thanh Tuyền, Nguyễn Ngọc Thanh (2001), *Giáo trình Thuế*, Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh và Viện Nghiên cứu tài chính, Nxb. Thống kê, Hồ Chí Minh 2001.

chính tương ứng với năng lực kinh tế của người nộp thuế, nhằm đảm bảo rằng mọi cá nhân đều đóng góp một cách công bằng thông qua việc hy sinh một phần thu nhập của mình cho ngân sách nhà nước. Việc phân bổ gánh nặng thuế vì thế là quyết định chính sách công, hướng tới thu hẹp bất bình đẳng và thúc đẩy công bằng xã hội¹³.

2.2.2. Lý thuyết về hiệu quả kinh tế (Efficiency Theory)

Thuế thường có tác dụng làm giảm hiệu quả kinh tế bằng cách đưa ra tổn thất trọng số chết. Ví dụ, thuế bán hàng đối với một sản phẩm nhất định làm tăng giá, do đó làm giảm doanh số. Những doanh số bị mất này được coi là tổn thất trọng số chết vì chúng đại diện cho hoạt động kinh tế tiềm năng không được thực hiện do thuế bán hàng¹⁴. Chính sách thuế cần phải được thiết kế sao cho không gây ra sự méo mó trong thị trường. Điều này có nghĩa là thuế không nên làm giảm động lực sản xuất, đầu tư và tiêu dùng của người dân¹⁵.

2.2.3. Lý thuyết về điều chỉnh hành vi (Behavioral Economics)

Chính sách thuế có thể được sử dụng như một công cụ để điều chỉnh hành vi của cá nhân và doanh nghiệp. Ví dụ, thuế đánh vào các sản phẩm có hại cho sức khỏe (như thuốc lá) nhằm giảm tiêu dùng¹⁶. Chính sách thuế ảnh hưởng đến loại và số tiền thu nhập chịu thuế và mức thuế suất. Những thay đổi trong luật thuế ảnh hưởng đến quyết định của mọi người về việc có nên làm việc hay không và làm việc bao nhiêu, tiết kiệm bao nhiêu cho hưu trí và sống ở đâu. Thuế cũng ảnh hưởng đến cách các doanh nhân tổ chức doanh nghiệp của họ, quyết định vay và đầu tư bao nhiêu, và họ đặt doanh nghiệp của mình ở đâu¹⁷.

2.2.4. Lý thuyết về chi phí xã hội (Social Cost Theory)

Chi phí xã hội, hay còn gọi là tổn thất xã hội, phản ánh tổng mức tổn thất mà cộng đồng phải gánh chịu do các hành vi, hoạt động của doanh nghiệp hoặc cá nhân gây ra. Trong nhiều trường hợp, người thực hiện hành vi không phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh từ hoạt động của mình. Phần chi phí mà họ thực sự chi trả được gọi là chi phí tư nhân, trong khi những thiệt hại hoặc tác động tiêu cực mà người khác phải gánh chịu nhưng không được tính vào quyết định của họ gọi là chi phí ngoại biên. Như vậy, chi phí xã hội = chi phí tư nhân + chi phí ngoại biên¹⁸. Khi đánh giá đầy đủ các hệ

¹³ David W. Williams (1996), *Principle of tax law*, Sweet & Maxwell; 3rd edition (November 7, 1996), ISBN-13 : 978-0421570900; Nguyễn Hồng Thắng (2009). *Vận dụng nguyên tắc đánh thuế trong thực tiễn*, Tạp chí Phát triển kinh tế số 220 - tháng 2/2009.

¹⁴ Mankiw, N. G. (2020). *Principles of Economics* (9th ed.). Cengage Learning.

¹⁵ Rosen, H. S., & Gayer, T. (2021). *Public Finance* (11th ed.). New York: McGraw-Hill Education.

¹⁶ Thaler, R. H., & Sunstein, C. R. (2008). *Nudge: Improving Decisions About Health, Wealth, and Happiness*. Yale University Press.

¹⁷ Chetty, R. (2009). *Behavioral Economics and Public Policy: A Pragmatic Perspective*. American Economic Review, 99(3), 1-33.

¹⁸ Pigou, A. C. (1920). *The Economics of Welfare*. Macmillan.

quả của hoạt động sản xuất hay kinh doanh, những chủ thể có trách nhiệm xã hội cần cân nhắc không chỉ chi phí trực tiếp mà họ bỏ ra, mà còn phải tính đến các tổn thất hoặc ảnh hưởng gián tiếp mà cộng đồng hay các bên liên quan khác có thể phải chịu. Trong bối cảnh đó, thuế trở thành công cụ quan trọng nhằm điều chỉnh các ngoại tác tiêu cực (negative externalities) bằng cách nội địa hóa chi phí xã hội – nghĩa là buộc người gây ra chi phí phải gánh chịu chúng, thay vì để xã hội chịu chung hậu quả¹⁹.

2.2.5. Lý thuyết về ưu đãi thuế (Tax Incentives Theory)

Chính sách ưu đãi thuế có thể mang lại cả lợi ích lẫn rủi ro cho nền kinh tế. Nếu được xây dựng và thực hiện một cách hiệu quả, các ưu đãi này có thể đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút đầu tư vào quốc gia. Bên cạnh việc thúc đẩy đầu tư, ưu đãi thuế còn có thể tạo ra thêm việc làm, khuyến khích chuyển giao vốn, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ, cũng như góp phần cải thiện điều kiện tại các khu vực kinh tế kém phát triển. Dù khó để lượng hóa chính xác tác động của các chính sách này, song nếu được vận hành đúng hướng, chúng có thể nâng cao phúc lợi kinh tế tổng thể thông qua tăng trưởng kinh tế và tăng thu ngân sách nhà nước khi giai đoạn miễn giảm kết thúc. Tuy vậy, nếu thiết kế thiếu chặt chẽ hoặc thực thi không hiệu quả, ưu đãi thuế cũng có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến cân đối tài khóa quốc gia, bên cạnh những hệ quả bất lợi khác.²⁰

2.3. Lý thuyết liên quan đến chính sách thuế và phí trong bối cảnh kinh tế tuần hoàn

2.3.1. Lý thuyết về chi phí bên ngoài (Externality Theory)

Trong kinh tế học, một tác động bên ngoài hoặc chi phí bên ngoài là một chi phí hoặc lợi ích gián tiếp cho một bên thứ ba không liên quan phát sinh do tác động của hoạt động của một bên (hoặc các bên) khác. Tác động bên ngoài có thể được coi là các thành phần không định giá có liên quan đến các giao dịch trên thị trường của người tiêu dùng hoặc người sản xuất, như ô nhiễm không khí từ phương tiện cơ giới, ô nhiễm nước từ các nhà máy và xí nghiệp. Tất cả người tiêu dùng đều bị thiệt hại do ô nhiễm nhưng không được thị trường đền bù cho thiệt hại này. Lý thuyết này nhấn mạnh rằng hoạt động sản xuất và tiêu dùng thường tạo ra chi phí bên ngoài, như ô nhiễm môi trường. Chính sách thuế có thể được áp dụng để nội địa hóa những chi phí này, chẳng

¹⁹ Stiglitz, J. E., & Rosengard, J. K. (2015). *Economics of the Public Sector* (4th ed.). W. W. Norton & Company.

²⁰ McDonald, B.D.; Decker, J.W.; Johnson, B.A.M. (2020). "You don't always get what you want: The effect of financial incentives on state fiscal health". *Public Administration Review*. 81 (3): 365–374. doi:10.1111/puar.13163.

hạn như thuế carbon, nhằm khuyến khích doanh nghiệp và cá nhân giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường²¹.

2.3.2. Lý thuyết về hiệu quả sử dụng tài nguyên (Resource Efficiency Theory)

Hiệu quả sử dụng tài nguyên là việc tối đa hóa nguồn cung tiền, vật liệu, nhân viên và các tài sản khác mà một cá nhân hoặc tổ chức có thể sử dụng để hoạt động hiệu quả, với chi phí lãng phí tài nguyên (tự nhiên) tối thiểu. Điều này có nghĩa là sử dụng các nguồn tài nguyên hạn chế của Trái đất theo cách bền vững trong khi giảm thiểu tác động đến môi trường²². Chính sách thuế có thể được sử dụng để khuyến khích doanh nghiệp và cá nhân sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả, chẳng hạn như giảm thuế cho các sản phẩm tiết kiệm năng lượng²³.

3. Chính sách thuế của Trung Quốc thúc đẩy tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế

3.1. Giới thiệu chung

Kinh tế tuần hoàn (KTTH) được đề xuất bởi các học giả Trung Quốc từ năm 1998, theo đó Quốc vụ viện đã chú trọng và giao nhiệm vụ thúc đẩy KTTH cho Ủy ban cải cách và phát triển quốc gia. Sau đó nhiều mô hình thí điểm được triển khai tại Trung Quốc từ năm 2005. Luật KTTH được thông qua vào năm 2008, nhấn mạnh vào việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và tách biệt tăng trưởng kinh tế khỏi khai thác tài nguyên thiên nhiên. KTTH ở Trung Quốc phát triển qua bốn giai đoạn: tối ưu hóa tài nguyên (trước 1992), sản xuất sạch hơn (1992-2002), giai đoạn thí điểm (2003-2008), và giai đoạn phát triển nhanh chóng (2009-nay), với sự lan tỏa của các mô hình KTTH trong nhiều tỉnh thành và ngành nghề.

Trải qua bốn giai đoạn, cho đến nay, để củng cố vai trò của nền KTTH, Trung Quốc đã ban hành thêm nhiều các quy định chính sách có liên quan đến các vấn đề bảo vệ môi trường, sản xuất sạch hơn, quản lý chất thải, bảo tồn năng lượng. Trong đó vấn đề liên quan đến tài nguyên tái tạo được nhà nước quan tâm bằng việc đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp và đơn vị trong sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực này. Tài nguyên tái tạo là những tài nguyên được tạo ra trong quá trình sản xuất và tiêu dùng xã hội đã mất đi toàn bộ hoặc một phần giá trị sử dụng ban đầu, sau khi được tái chế và xử lý mới có thể lấy lại được công dụng, giá trị của các chất thải khác nhau. Tái chế và bán buôn vật liệu tái chế đề cập đến các hoạt động tái chế vật liệu phế thải và bán chúng cho các công ty sản xuất làm nguyên liệu thô.

²¹ Boudreaux, Donald J.; Meiners, Roger (2019). "Externality: Origins and Classifications". *Natural Resources Journal*. 59 (1): 1–34. ISSN 0028-0739.

²² UNEP (2011). *Decoupling Natural Resource Use and Environmental Impacts from Economic Growth*. United Nations Environment Programme.

²³ OECD (2017). *Taxation and the Environment*. OECD Publishing, Paris.

Với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế và mức sống của người dân không ngừng được cải thiện, nhiều nguồn tài nguyên tái chế khác nhau được tạo ra trong quá trình sản xuất và đời sống có thể tái chế đang ngày càng tăng. Thực hiện mạnh mẽ việc tái chế các nguồn tài nguyên tái chế là một trong những cách quan trọng để nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và thiết lập một xã hội tiết kiệm tài nguyên. Kế hoạch năm năm lần thứ mười tại Trung Quốc với trọng điểm là thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững, về tái chế các nguồn tài nguyên tái chế đã được hình thành.

Cho đến nay, việc sử dụng tài nguyên tái chế đã đạt đến một quy mô nhất định. Với sự hỗ trợ của hàng loạt chính sách ưu đãi quốc gia, ngành tái chế chất thải của Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng, mạng lưới hệ thống tái chế và xử lý tài nguyên tái chế trên toàn quốc đã bước đầu được hình thành, cả nước có hàng nghìn doanh nghiệp tái chế rác thải các loại, cửa hàng tái chế và nhà máy xử lý tái chế, với công suất xử lý cao và máy móc thiết bị ngày càng hiện đại. Theo thống kê của Hiệp hội tái chế tài nguyên Trung Quốc, kim ngạch tái chế mười loại tài nguyên tái tạo chính năm 2023 đã đến gần 1300 tỷ nhân dân tệ (Báo cáo phân tích phát triển ngành tài nguyên tái tạo của Trung Quốc, 2024)²⁴.

Để thúc đẩy việc tái chế các nguồn tài nguyên tái tạo, trong những năm gần đây, Trung Quốc đã liên tiếp ban hành nhiều chính sách, Trung Quốc đã liên tiếp đưa ra một loạt chính sách công nghiệp liên quan đến tài nguyên tái tạo. Với sự hỗ trợ và hướng dẫn của các chính sách, quy mô tái chế tài nguyên tái tạo của Trung Quốc sẽ tiếp tục mở rộng, thúc đẩy hơn nữa xu hướng tăng trưởng về tài nguyên tái tạo. Điển hình có thể kể đến “Kế hoạch hành động thúc đẩy cập nhật thiết bị quy mô lớn và buôn bán hàng tiêu dùng” do Văn phòng Quốc vụ viện ban hành năm 2024 đề xuất thúc đẩy tái chế tài nguyên ở mức độ cao, thúc đẩy sự tập trung, phát triển trên quy mô lớn và hướng dẫn loại bỏ dần năng lực sản xuất kém hiệu quả của các doanh nghiệp chế biến và sử dụng tài nguyên tái tạo. Một số chính sách điển hình được ban hành mới nhất của chính phủ và các Bộ ban ngành liên quan đến ngành tái chế tài nguyên như sau (xem bảng 1).

²⁴ 中国再生资源回收行业发展报告 (2024) (Tạm dịch “Báo cáo phát triển ngành tái chế tài nguyên tái tạo của Trung Quốc (2024), Hiệp hội tái chế tài nguyên Trung Quốc.) <https://www.chinaisa.org.cn/gxportalFile/attach/2024/07/10/1720599598339032383.pdf>

Bảng 1. Các chính sách liên quan tới ngành tài nguyên tái tạo của Trung Quốc

Thời gian	Nơi ban hành	Tên chính sách	Nội dung chủ yếu
Tháng 2 năm 2023	Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia và các cơ quan khác	Ý kiến chỉ đạo về phối hợp bảo tồn năng lượng, giảm lượng carbon và tái chế để đẩy nhanh quá trình cập nhật và chuyển đổi sản phẩm và thiết bị trong các lĩnh vực trọng yếu	Thúc đẩy tái chế ở mức độ cao các nguồn tài nguyên tái tạo. Dựa vào hệ thống tái chế chất thải để xây dựng các thành phố trọng điểm, cơ sở điển hình “khoáng sản đô thị” quốc gia, cơ sở tái chế tài nguyên; quy hoạch và bố trí một số trung tâm phân loại máy móc cao cấp, cơ sở gia công tái chế và trung tâm giao dịch các loại phế phẩm cấp khu vực; thúc đẩy quy mô, tiêu chuẩn hóa và tái chế sạch các sản phẩm, thiết bị thải bỏ. Tăng cường thúc đẩy và ứng dụng công nghệ và thiết bị gia công tái chế tiên tiến cho các nguồn tài nguyên tái tạo, hỗ trợ nâng cao chất lượng và chuyển đổi các dự án xử lý tái chế hiện có, đồng thời nâng cao trình độ cơ giới hóa, tin học hóa và công năng hóa.
Tháng 7 năm 2023	Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia và các cơ quan khác	Ý kiến chỉ đạo về việc thúc đẩy tái chế năng lượng gió và thiết bị quang điện đã ngừng hoạt động	Hướng dẫn các doanh nghiệp tái chế tài nguyên tái tạo tái chế thép phế liệu, phế liệu kim loại màu và các tài nguyên tái tạo khác một cách tiêu chuẩn và có trật tự.
Tháng 11 năm 2023	Bộ Nhà ở và Phát triển Đô thị - nông thôn	Hướng dẫn đẩy mạnh toàn diện xây dựng hệ thống giao thông đồng bộ đô thị	Thúc đẩy xây dựng xanh, chú ý phục hồi sinh thái sau giai đoạn xây dựng và thúc đẩy tái chế các nguồn tài nguyên tái tạo khác như chất thải vật liệu xây dựng, chất thải dự án.

Tháng 12 năm 2023	8 Bộ ngành trong đó có Bộ Công nghiệp và Công nghệ thông tin	Hướng dẫn đẩy mạnh chuyển đổi, nâng cấp các ngành sản xuất truyền thống	Tích cực thúc đẩy mô hình sản xuất tái chế tài nguyên, đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp sử dụng toàn diện tái chế và gia công thép phế liệu, kim loại màu phế liệu, pin điện phế liệu, đồ điện gia dụng phế liệu và dệt may phế liệu, đồng thời thúc đẩy tái chế các nguồn tài nguyên tái tạo có giá trị cao.
Tháng 1 năm 2024	9 Bộ ngành trong đó có Bộ Công thương	Thông báo về việc cải thiện hệ thống tái chế rác thải gia dụng, đồ nội thất và các nguồn tài nguyên tái tạo khác	Lập kế hoạch hợp lý mạng lưới tái chế. Tăng cường phúc lợi công cộng của mạng lưới tái chế rác thải đồ nội thất và đồ điện gia dụng, đồng thời lồng ghép việc xây dựng các cơ sở tái chế vào các quy hoạch khu vực có liên quan. Bố trí một cách khoa học hệ thống tái chế ba cấp độ đầy đủ, bao gồm điểm đầu thu hồi rác tái chế tại các khu cộng đồng, các trạm trung chuyển tái chế trên đường phố và phân loại tái chế tại điểm cuối tại các trung tâm phân loại của quận huyện. Tiến hành kết hợp với quy mô dân số địa phương và sự bố trí các cộng đồng dân cư và các tổ chức công cộng, để thúc đẩy hơn nữa việc "tích hợp hai mạng lưới" của các điểm phân loại rác thải sinh hoạt và các điểm tái chế tài nguyên tái tạo đồ điện gia dụng và đồ nội thất đã qua sử dụng.
Tháng 2 năm 2024	Văn phòng Quốc vụ viện	Ý kiến về việc đẩy nhanh việc thành lập hệ thống tái chế chất thải	Tăng cường sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên tái tạo. Khuyến khích mở rộng hợp lý chuỗi công nghiệp gia công chuyên sâu các nguồn tài nguyên tái tạo thép phế

			liệu, phế liệu kim loại màu, giấy thải, nhựa thải. Hỗ trợ nâng cấp và thúc đẩy quá trình xanh hóa, cơ giới hóa và công nghệ hóa các dự án tận dụng tài nguyên tái tạo hiện có.
Tháng 2 năm 2024	7 Bộ ngành trong đó có Bộ Công nghiệp và Công nghệ thông tin	Hướng dẫn đẩy nhanh phát triển xanh trong công nghiệp sản xuất	Phát huy tối đa các lợi thế công nghệ của blockchain, big data, điện toán đám mây và các công nghệ khác, thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc để tái chế các liên kết và thúc đẩy mô hình mới "Internet công nghiệp + tái chế tài nguyên tái tạo".
Tháng 3 năm 2024	Quốc vụ viện	Kế hoạch hành động đẩy mạnh đổi mới thiết bị và trao đổi sản phẩm tiêu dùng trên quy mô lớn	Thúc đẩy tái chế tài nguyên ở mức độ cao. Thúc đẩy sự phát triển tập trung và quy mô lớn, đồng thời hướng dẫn loại bỏ dần năng lực sản xuất kém hiệu quả của các doanh nghiệp gia công sử dụng tài nguyên tái tạo. Cải thiện chính sách hỗ trợ xử lý chất thải điện và điện tử, đồng thời nghiên cứu và mở rộng phạm vi hệ thống xử lý chất thải điện và điện tử. Hỗ trợ xây dựng một số cụm công nghiệp chế biến chuyên sâu các nguồn tài nguyên tái tạo như thép phế liệu, phế liệu kim loại màu, nhựa thải.
Tháng 3 năm 2024	7 Bộ ngành trong đó có Bộ Công nghiệp và Công nghệ thông tin	Hướng dẫn thi hành thúc đẩy kế hoạch thực hiện cập nhật thiết bị trong lĩnh vực công nghiệp	Đẩy nhanh việc ứng dụng thiết bị xử lý chất thải rắn và tiết kiệm nước. Tập trung vào các ngành công nghiệp trọng yếu có phát sinh chất thải rắn, cập nhật cải tiến các quy trình sản xuất tạo ra lượng lớn chất thải rắn công nghiệp, nâng cấp thiết bị và phương tiện để sử dụng toàn diện chất thải rắn công nghiệp và tài nguyên tái tạo, đồng thời nâng cao

			hơn nữa mức độ sử dụng tiết kiệm và tận dụng tài nguyên công nghiệp.
Tháng 4 năm 2024	Cục Quản lý và Giám sát Tài chính Nhà nước	Hướng dẫn thúc đẩy phát triển bảo hiểm xanh chất lượng cao	Đưa ra giải pháp bảo hiểm chuyên biệt để sử dụng toàn diện chất thải rắn công nghiệp số lượng lớn, sử dụng toàn diện các ngành công nghiệp tài nguyên tái tạo, các ngành tái sản xuất, phát triển tuần hoàn các khu công nghiệp và tái chế tài nguyên.
Tháng 4 năm 2024	Văn phòng Bộ Tài chính, Văn phòng Bộ Thương mại và các cơ quan khác	Thông báo hỗ trợ xây dựng thí điểm hệ thống lưu thông thương mại hiện đại tại các đô thị	Cải thiện hệ thống tái chế tài nguyên tái tạo ở thành thị và nông thôn. Phối hợp sử dụng quỹ trợ cấp để cải thiện hệ thống tái chế tài nguyên tái tạo ở thành thị và nông thôn, đồng thời hỗ trợ thay thế đồ điện gia dụng bền bằng hàng mới. Hỗ trợ xây dựng, tái thiết và mở rộng các trung tâm phân loại chuyên nghiệp các thiết bị điện gia dụng đã qua sử dụng và các trung tâm phân loại tài nguyên tái tạo toàn diện các thiết bị điện gia dụng đã qua sử dụng, đồng thời mở rộng các chức năng tổng hợp, phân loại và tiêu thụ tài nguyên tái tạo. Hỗ trợ nâng cấp và chuyển đổi các trung tâm phân phối và hậu cần cấp quận, trung tâm thương mại thị trấn, tập trung vào các quận và thị trấn. Xây dựng các trạm trung chuyển hoặc cơ sở hỗ trợ cho các nguồn tài nguyên có thể tái tạo đồ điện gia dụng đã qua sử dụng để tạo điều kiện thuận lợi cho chu trình tiêu thụ tuần hoàn thiết bị điện gia dụng.

Nguồn: Tác giả tổng hợp theo “Báo cáo phát triển ngành tài nguyên tái tạo năm 2024”

Để hưởng ứng lời kêu gọi quốc gia, nhiều tỉnh, thành tại Trung Quốc đã tích cực thúc đẩy phát triển ngành tái chế tài nguyên tái tạo, ví dụ như “Kế hoạch thực hiện nhằm thúc đẩy cập nhật thiết bị quy mô lớn và buôn bán hàng tiêu dùng” do tỉnh Vân Nam ban hành, nhằm cải tiến hệ thống tái chế rác thải ba cấp của cộng đồng, trạm trung chuyển và trung tâm phân loại, bố trí và xây dựng một số trung tâm phân loại xanh toàn diện và chuyên nghiệp, hiệu quả và thiết thực, đẩy nhanh quá trình tích hợp và phát triển hệ thống loại bỏ rác thải sinh hoạt và hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt và hệ thống tái chế tài nguyên tái tạo, thí điểm phát triển mô hình “Internet + tái chế” cho các tài nguyên tái tạo.

Dựa trên khung chính sách như trên, để khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp sử dụng và kinh doanh tài nguyên tái chế, Bộ tài chính Trung Quốc đã lần đưa ra những chính sách rất cụ thể về việc thu thuế giá trị gia tăng (GTGT) và thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với các doanh nghiệp sử dụng tài nguyên tái chế tổng hợp. Đây là những quy định rất chi tiết về điều kiện, đối tượng và quy trình cụ thể trong việc thu các thuế ưu đãi này, đồng thời ban hành kèm theo các danh mục chi tiết về sản phẩm và dịch vụ được hưởng các ưu đãi về thuế GTGT và TNDN trong ngành sử dụng tài nguyên tái chế.

3.2. Một số nội dung chính về chính sách thuế GTGT đối với ngành sử dụng tài nguyên toàn diện tại Trung Quốc

Chính sách ưu đãi về thuế GTGT đối với doanh nghiệp tái chế phế liệu tại Trung Quốc đã có từ những năm 1995, trải qua nhiều lần chỉnh sửa bổ sung và ban hành mới. Đến năm 2024, văn bản mới nhất mà Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế ban hành là “Thông báo về hoàn thiện chính sách thu thuế GTGT đối với việc sử dụng tài nguyên toàn diện” (Thông báo số 40 năm 2021). Một số quy định đã được ban hành trước đây cho đến nay bao gồm:

- Thông báo số 24 ban hành tháng 5/1995: “Thông báo thu thuế GTGT trước rồi hoàn lại cho doanh nghiệp tái chế phế liệu” quy định thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp kinh doanh, tái chế phế liệu, vật liệu đã qua sử dụng phải thu trước và sau đó được hoàn lại 70%. Thông báo này có hiệu lực đến tháng 11/1999.

- Thông báo số 78 ban hành tháng 4/2001: “Thông báo về chính sách thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh tái chế phế liệu” quy định các công ty thu mua phế liệu được miễn thuế GTGT, các công ty chế biến phế liệu được bổ sung khấu trừ 10% giá trị đầu vào dựa trên hoá đơn thông thường có sự giám sát của cơ quan thuế. Thông báo này có hiệu lực đến tháng 1/2009.

- Thông báo số 893 năm 2002: “Trả lời các vấn đề về thuế liên quan đến doanh nghiệp tái chế chất thải và vật liệu đã qua sử dụng” và Thông báo số 839 năm 2005 về “Trả lời của Cục Thuế Nhà nước về vấn đề thuế GTGT đối với các doanh nghiệp kinh

doanh tái chế chất thải và vật liệu đã qua sử dụng” tập trung làm rõ các vấn đề liên quan đến việc phát hành hóa đơn GTGT chuyên dụng đối với giao dịch phế liệu và vật liệu đã qua sử dụng.

- Sắc lệnh số 8 năm 2007 do Bộ Thương mại ban hành về “Các biện pháp quản lý tái chế tài nguyên tái chế” quy định thời gian nộp hồ sơ quản lý sau khi được cấp giấy phép kinh doanh và cấp bậc quản lý hành chính công thương đối với những người tham gia vào hoạt động kinh doanh tái chế tài nguyên tái tạo.

- Thông báo số 157 năm 2008: “Thông báo về chính sách thuế giá trị gia tăng đối với tài nguyên tái tạo” quy định về bãi bỏ chính sách “miễn thuế GTGT đối với phế liệu do các đơn vị kinh doanh tái chế phế liệu thu mua” và “đối với phế liệu do doanh nghiệp là đối tượng nộp thuế thông thường thu mua từ đơn vị kinh doanh phế liệu bán ra, được khấu trừ theo tỷ lệ 10% thuế đầu vào dựa trên hóa đơn thông thường do đơn vị kinh doanh tái chế phế liệu phát hành và có sự giám sát của cơ quan thuế”. Cuối năm 2010 trở về trước, số thuế GTGT do người nộp thuế GTGT thông thường đủ tiêu chuẩn nộp cho việc bán tài nguyên tái tạo sẽ phải tuân theo chính sách thu trước rồi mới hoàn lại.

- Thông báo số 1 năm 2008 của Cục Quản lý Thuế Nhà nước về “Các vấn đề liên quan đến việc khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với hóa đơn đối với phế liệu và vật liệu đã qua sử dụng” quy định rằng bắt đầu từ ngày 01/01/2009, người nộp thuế GTGT thông thường khi tham gia vào hoạt động kinh doanh tái chế phế liệu, vật liệu đã qua sử dụng sẽ không được lập hóa đơn thuế GTGT chuyên dụng có in dòng chữ “phế liệu và vật liệu đã qua sử dụng” khi bán phế liệu và vật liệu đã qua sử dụng. Hóa đơn chuyên dụng về phế liệu phát hành sau ngày 01/01/2009 mà người nộp thuế có được sẽ không được sử dụng làm chứng từ khấu trừ thuế GTGT.

- Thông báo số 78 năm 2015: “Danh mục ưu đãi thuế GTGT cho sản phẩm và dịch vụ sử dụng tài nguyên toàn diện” mở rộng phạm vi chính sách ưu đãi thuế GTGT mà ngành tài nguyên tái tạo được hưởng và thực hiện các tỷ lệ hoàn thuế GTGT khác nhau dựa trên các loại sản phẩm khác nhau. Tỷ lệ hoàn thuế từ 30-100% tùy theo từng loại sản phẩm và dịch vụ thuộc các nhóm tài nguyên khoáng sản, chất thải cặn, nước thải, khí thải; tài nguyên tái tạo; phế phẩm nông, lâm nghiệp và các loại khác; sử dụng toàn diện các nguồn lực và dịch vụ.

- Thông báo số 40 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 1/3/2022: “Thông báo của Tổng cục thuế Bộ Tài chính về việc hoàn thiện chính sách GTGT cho tài nguyên tái chế”²⁵ và Thông báo số 5 năm 2022 về “Danh mục ưu đãi thuế GTGT cho sản phẩm và

²⁵ 财政部 & 国家税务总局. (2021年12月30日). 关于完善资源综合利用增值税政策的公告 (2021年第40号) (Tạm dịch “Thông báo về việc cải thiện chính sách thuế giá trị gia tăng sử dụng tài nguyên toàn diện (số 40)”, Bộ Tài chính và Tổng Cục Thuế Nhà nước, ngày 30/12/2021), xem tại: https://www.gov.cn/zhengce/zhengceku/2022-02/28/content_5676109.htm (truy cập ngày 07/04/2025).

dịch vụ tái chế” (xem Phụ lục 1) quy định rõ nội dung cụ thể liên quan đến việc thu thuế GTGT của các doanh nghiệp tái chế tài nguyên, đồng thời chỉ ra rằng các doanh nghiệp tham gia vào các dự án tái chế được liệt kê trong “Danh mục” có thể được hưởng chính sách thuế GTGT về tái chế. Hóa đơn phát hành ngược lại của họ thuộc vào điều khoản 1, mục 2 của Điều 3 trong Thông báo số 40/ 2021, nếu đáp ứng các quy định, có thể được hưởng chính sách thuế GTGT về tái chế.

Một số quy định quan trọng về việc thu thuế GTGT với tài nguyên tái chế được nêu trong thông cáo mới nhất này như sau:

- Doanh nghiệp thu gom tài nguyên tái chế được lựa chọn phương pháp tính thuế, các đối tượng nộp thuế này có thể lựa chọn áp dụng phương pháp tính thuế đơn giản với tỷ lệ 3%, hoặc áp dụng phương pháp tính thuế thông thường để tính và nộp thuế GTGT khi bán tài nguyên tái chế mà họ đã thu mua. Các doanh nghiệp nộp thuế lựa chọn áp dụng phương pháp tính thuế đơn giản phải đáp ứng một trong các điều kiện như doanh nghiệp thu gom chất thải nguy hại phải có giấy phép hoạt động, doanh nghiệp thu gom xe cũ phải có chứng nhận đủ điều kiện, các doanh nghiệp thu gom tài nguyên tái tạo khác phải đăng ký và hoàn tất hồ sơ với cơ quan thương mại.

- Doanh nghiệp nộp thuế GTGT khi bán các sản phẩm sử dụng tài nguyên tổng hợp tự sản xuất và cung cấp dịch vụ sử dụng tài nguyên toàn diện có thể được hưởng chính sách hoàn thuế GTGT ngay tại thời điểm nộp thuế. Tên, tiêu chuẩn kỹ thuật, tỷ lệ hoàn thuế và các điều kiện liên quan của các sản phẩm và dịch vụ sử dụng tài nguyên toàn diện được thực hiện theo các quy định trong “Danh mục ưu đãi thuế GTGT đối với sản phẩm và dịch vụ sử dụng tài nguyên toàn diện năm 2022” (sau đây gọi tắt là “Danh mục”, phụ lục 1). Doanh nghiệp nộp thuế tham gia các dự án sử dụng tài nguyên tổng hợp có trong “Danh mục” và muốn hưởng chính sách hoàn thuế GTGT ngay tại thời điểm nộp thuế phải đáp ứng các điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp phải nhận hóa đơn GTGT từ bên bán tài nguyên tái chế trong nước theo quy định. Nếu áp dụng chính sách miễn thuế, phải nhận hóa đơn thuế GTGT thông thường. Nếu bên bán không thể phát hành hóa đơn hợp pháp, doanh nghiệp phải nhận chứng từ thanh toán từ bên bán hoặc hóa đơn do cơ quan thuế phát hành.

- + Doanh nghiệp phải có hóa đơn hoặc chứng từ thanh toán, nếu không có thì doanh thu từ việc bán các sản phẩm tương ứng không được áp dụng chính sách hoàn thuế.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp có thể lựa chọn chính sách miễn thuế, nhưng không thể thay đổi trong vòng 36 tháng sau khi đã chọn.

- Bắt đầu từ 24/04/2024, Tổng cục Thuế Trung Quốc ban hành Thông báo số 5 năm 2024²⁶, nhằm thực hiện chủ trương của Quốc vụ Viện về “thúc đẩy quy mô lớn đổi mới thiết bị và tiêu dùng bằng cách đổi cũ lấy mới”, theo đó các doanh nghiệp tái chế đủ điều kiện có thể phát hành hóa đơn VAT ngược cho các cá nhân bán sản phẩm phế thải, nhằm hợp thức hóa đầu vào thuế và phục vụ khấu trừ thuế VAT cũng như chi phí hợp lệ cho thuế thu nhập doanh nghiệp. Đây là một ưu đãi mạnh giúp các đơn vị nhỏ trong ngành tái chế giảm chi phí thuế đầu vào, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh và mở rộng hoạt động.

3.3. Một số nội dung chính về chính sách thu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp sử dụng tài nguyên toàn diện tại Trung Quốc

Để giải thích cho nội dung chính sách thuế TNDN đối với doanh nghiệp sử dụng tài nguyên toàn diện tại Trung Quốc, có thể dựa vào một số căn cứ chính sách sau:

- Điều 33 của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (có hiệu lực từ 01/01/2008)²⁷;

- Điều 99 của Quy định thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (có hiệu lực từ 01/01/2008);

- Thông báo số 47 ban hành ngày 13/11/2008 của Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế ban hành về việc thực hiện danh sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho tái chế tài nguyên;

- Thông báo số 23 ban hành ngày 25/04/2018 của Tổng cục Thuế về việc công bố quy trình xử lý các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đã sửa đổi

- Thông báo của Bộ Tài chính về công bố “Danh sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho các dự án bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và nước năm 2021” và “Danh sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho tái chế tài nguyên năm 2021” (Thông báo số 36 năm 2021 của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Ủy ban Phát triển và Cải cách, Bộ Sinh thái và Môi trường). (Xem Phụ lục 2)

²⁶ 《国家税务总局关于资源回收企业向自然人报废产品出售者“反向开票”有关事项的公告》（国家税务总局公告2024年第5号）（Tạm dịch ““Thông báo của Tổng cục Thuế Nhà nước về các vấn đề liên quan đến việc các doanh nghiệp thu mua tài nguyên phát hành hóa đơn ngược cho cá nhân bán sản phẩm phế thải” (Thông báo số 5 năm 2024 của Tổng cục Thuế Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa) https://www.gov.cn/zhengce/zhengceku/202404/content_6947756.htm (truy cập ngày 07/04/2025).

²⁷ 中华人民共和国国务院. (2007年12月6日). 中华人民共和国企业所得税法实施条例（国务院令 第512号）. 发布日期：2007年11月28日，通过日期同前，施行日期：2008年1月1日. 中国政府网, (Tạm dịch “ “Quy định thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”, Sắc lệnh chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa số 512, ngày 6/12/2007), xem tại: https://www.gov.cn/zwggk/2007-12/11/content_830645.htm (truy cập ngày 10/04/2025).

Dựa vào những căn cứ trên, doanh nghiệp sử dụng tài nguyên tái chế được liệt kê trong “Danh mục ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tái chế tài nguyên” làm nguyên liệu chính để sản xuất các sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn ngành liên quan, khi tính toán thu nhập chịu thuế, có thể giảm 90% vào tổng thu nhập của năm đó. Khi hưởng các ưu đãi thuế trên, tỷ lệ tài nguyên được liệt kê trong danh sách so với nguyên liệu sản phẩm phải tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật quy định trong danh sách. Doanh nghiệp cũng cần tách bạch thu nhập từ các dự án khác không phải tái chế tài nguyên với thu nhập từ tái chế tài nguyên, nếu không tách bạch thì không được hưởng chính sách ưu đãi.

Theo quy định về ưu đãi thuế TNDN tái chế tài nguyên, doanh nghiệp có thể hưởng ưu đãi khi khai báo tạm tính. Khi khai báo tạm tính theo quý, có thể điền vào “Mẫu khai báo tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp tháng (quý) của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” (nhóm A, năm 2021) để hưởng ưu đãi này. Bên cạnh đó, khi thực hiện quyết toán thuế hàng năm, có thể điền vào “Bảng chi tiết về thu nhập miễn thuế, thu nhập giảm tính và khấu trừ thêm” (A107010) để hưởng ưu đãi này.

Ngoài ra, về công tác chuẩn bị tài liệu, các doanh nghiệp cần lưu giữ các tài liệu để kiểm tra bao gồm mô tả tình hình thực tế về việc tái chế tài nguyên của doanh nghiệp (bao gồm tài nguyên đã tái chế, tiêu chuẩn kỹ thuật, tên sản phẩm, v.v.); và tài liệu giải thích về tình hình tính toán thu nhập từ sản phẩm sản xuất bằng tài nguyên tái chế.

4. Thực trạng thực hiện chính sách ưu đãi thuế trong lĩnh vực tái chế tại Trung Quốc

Trung Quốc đã triển khai các biện pháp đồng bộ để thực hiện chính sách ưu đãi thuế như miễn giảm thuế giá trị gia tăng đối với sản phẩm tái chế đạt tiêu chuẩn môi trường, miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị và công nghệ tái chế, hoàn thuế cho các sản phẩm tái chế xuất khẩu... đối với các doanh nghiệp tái chế và sản phẩm tái chế. Những chính sách này không chỉ giúp doanh nghiệp giảm chi phí mà còn khuyến khích họ đầu tư vào công nghệ tái chế tiên tiến, thúc đẩy nền kinh tế xanh và phát triển bền vững. Chính phủ Trung Quốc mặc dù không quy định riêng các biện pháp đảm bảo để thực hiện chính sách ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp tái chế và sản phẩm tái chế, nhưng thông qua quy định xử lý hành chính và chế tài hình sự đối với hành vi vi phạm nghĩa vụ thuế nói chung đã đảm bảo các chính sách ưu đãi thuế được thực thi đúng đắn, hiệu quả, đảm bảo tính minh bạch, công bằng trong hệ thống thuế và duy trì trật tự kinh tế quốc gia.

Chế tài hành chính: Doanh nghiệp, cá nhân tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế khi không tuân thủ các quy định thuế thì phải chịu những chế tài như các ngành nghề kinh doanh khác. Các hành vi vi phạm nghĩa vụ về thuế (như không nộp thuế, chậm

nộp thuế, gian lận thuế, sử dụng hóa đơn giả hoặc in hóa đơn trái phép, trốn thuế...) nếu chưa đến mức truy cứu hình sự sẽ bị xử phạt hành chính. Các chế tài hành chính được áp dụng là: phạt tiền²⁸, truy thu thuế, tạm giữ tài sản, thu hồi giấy phép kinh doanh²⁹.... Cụ thể: Nếu người nộp thuế không nộp thuế hoặc người có nghĩa vụ khấu trừ thuế không nộp thuế đã khấu trừ theo thời hạn quy định thì cơ quan thuế có quyền yêu cầu họ nộp đầy đủ số thuế còn thiếu trong một thời hạn nhất định, đồng thời người vi phạm còn bị phạt tiền chậm nộp với mức 0,05% trên số tiền thuế chậm nộp cho mỗi ngày kể từ ngày quá hạn³⁰. Nếu sau khi được yêu cầu mà người nộp thuế vẫn không nộp thì cơ quan thuế có quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế như tạm giữ tài sản hoặc hàng hóa có giá trị tương đương để đảm bảo việc nộp thuế³¹ và có thể bị

²⁸ Điều 60 Luật quản lý thuế 2020: "Người nộp thuế thực hiện một trong các hành vi sau đây, cơ quan thuế sẽ yêu cầu người nộp thuế phải cải chính trong thời hạn quy định và có thể bị phạt tiền đến 2.000 nhân dân tệ; nếu có tình tiết nghiêm trọng thì bị phạt từ 2.000 nhân dân tệ đến 10.000 nhân dân tệ. (...) Người nộp thuế không sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký thuế theo quy định hoặc cho mượn, làm thay đổi, tiêu hủy, mua bán, giả mạo Giấy chứng nhận đăng ký thuế thì bị phạt từ 2.000 nhân dân tệ đến 10.000 nhân dân tệ, nếu tình tiết nghiêm trọng thì bị phạt từ 10.000 nhân dân tệ đến 50.000 nhân dân tệ."

²⁹ Điều 60 Luật quản lý thuế 2020: "(...) Người nộp thuế không đăng ký thuế thì cơ quan thuế sẽ yêu cầu người nộp thuế phải cải chính trong thời hạn quy định; nếu người nộp thuế không cải chính trong thời hạn quy định thì bị cơ quan quản lý công thương thu hồi Giấy phép kinh doanh theo yêu cầu cơ quan thuế."

³⁰ Điều 32 Luật quản lý thuế 2020: "Trường hợp người nộp thuế không nộp thuế trong thời hạn quy định hoặc người có nghĩa vụ khấu trừ không nộp thuế đã khấu trừ theo thời hạn quy định, cơ quan thuế sẽ yêu cầu nộp thuế trong thời hạn nhất định, đồng thời, kể từ ngày chậm nộp thuế sẽ tính tiền phạt chậm nộp với mức 0,05% trên số thuế chậm nộp cho mỗi ngày."

³¹ Điều 37 Luật quản lý thuế 2020: "Đối với người nộp thuế hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng không đăng ký thuế theo quy định và người nộp thuế tạm thời tham gia kinh doanh, cơ quan thuế sẽ xác định số thuế phải nộp và yêu cầu nộp thuế. Nếu không nộp thuế, cơ quan thuế có quyền tạm giữ hàng hóa, tài sản có giá trị tương đương với số thuế phải nộp. Sau khi tạm giữ, nếu số thuế phải nộp được thanh toán, cơ quan thuế lập tức giải tỏa việc tạm giữ và trả lại hàng hóa, tài sản đã bị tạm giữ. Nếu sau khi tạm giữ mà người nộp thuế vẫn không nộp số thuế phải nộp, thì sau khi được sự phê duyệt của Cục trưởng Cục thuế (hoặc Chi Cục trưởng) cấp huyện trở lên, cơ quan thuế có thể tiến hành bán đấu giá hoặc thanh lý hàng hóa, tài sản bị tạm giữ theo quy định của pháp luật, và số tiền thu được từ việc đấu giá, thanh lý hàng hoá được khấu trừ vào số thuế phải nộp."

Điều 40 Luật quản lý thuế 2020: "Trường hợp người nộp thuế, người có nghĩa vụ khấu trừ thuế sản xuất, kinh doanh không nộp hoặc nộp thuế không đúng thời hạn quy định, người bảo lãnh thuế không nộp số thuế được bảo lãnh đúng thời hạn quy định, đã được cơ quan thuế yêu cầu nộp trong thời hạn quy định mà vẫn nộp đúng thời hạn, khi có sự đồng ý của Cục trưởng Cục thuế (chi nhánh) cấp huyện trở lên thì cơ quan thuế có thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế sau:

(1) Thông báo bằng văn bản cho ngân hàng hoặc tổ chức tài chính khác nơi mở tài khoản để khấu trừ thuế đối với khoản tiền gửi;

(2) Thu giữ, niêm phong, bán đấu giá, bán hàng hóa, tài sản khác có giá trị bằng số tiền thuế phải nộp theo quy định của pháp luật và dùng số tiền thu được từ việc bán đấu giá, bán hàng hoá để bù đắp khoản thuế phải nộp.

Khi cơ quan thuế thực hiện các biện pháp cưỡng chế cũng sẽ cưỡng chế các khoản phí chậm nộp còn thiếu đối với người nộp thuế, người có nghĩa vụ khấu trừ thuế và người bảo lãnh thuế nêu tại khoản trên. Nhà ở, vật dụng cần thiết cho cá nhân và thành viên gia đình phụ thuộc của họ để duy trì cuộc sống không thuộc phạm vi áp dụng biện pháp cưỡng chế."

phạt tiền từ 50% đến 5 lần số tiền thuế không nộp hoặc nộp thiếu³². Trong trường hợp người nộp thuế không kê khai hoặc không thể xác định chính xác số thuế phải nộp, thì cơ quan thuế sẽ tự ấn định số thuế dựa trên thông tin sẵn có³³.

Người nộp thuế giả mạo, thay đổi, che giấu, tiêu hủy trái phép sổ sách kế toán, chứng từ kế toán hoặc ghi đè các khoản chi hoặc ghi thiếu các khoản thu nhập trên sổ kế toán hoặc từ chối kê khai, khai sai sau khi được cơ quan thuế thông báo là hành vi trốn thuế. Cơ quan thuế sẽ thu hồi số tiền thuế người nộp thuế không nộp hoặc nộp thiếu, tiền chậm nộp và phạt tiền từ 50% đến 5 lần số tiền trốn thuế. Trường hợp người nộp thuế hoạt động sản xuất, kinh doanh có hành vi trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế, đã được cơ quan thuế yêu cầu nộp đủ số thuế phải nộp trong một thời hạn nhất định trước kỳ hạn nộp thuế quy định, nhưng trong thời gian đó lại có dấu hiệu chuyển nhượng hoặc che giấu hàng hóa, tài sản hoặc thu nhập phải chịu thuế thì phải chịu các biện pháp đảm bảo như: bị phong tỏa khoản tiền gửi tại ngân hàng (hoặc tổ chức tài chính) tương đương với số thuế phải nộp, tạm giữ hoặc niêm phong hàng hóa, tài sản hoặc các tài sản khác của người nộp thuế có giá trị tương đương với số thuế phải nộp. Hết thời hạn mà người nộp thuế vẫn chưa nộp thuế thì cơ quan thuế có thể gửi thông báo bằng văn bản cho ngân hàng hoặc tổ chức tài chính để khấu trừ số thuế phải nộp từ khoản tiền đã phong tỏa, hoặc bán đấu giá, thanh lý các tài sản bị tạm giữ hoặc niêm phong để bù đắp số thuế phải nộp.³⁴

Chế tài hình sự: Trường hợp cá nhân, doanh nghiệp vi phạm việc nộp thuế, nếu thoả mãn dấu hiệu tội phạm thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trốn thuế, tội trốn truy thu nợ thuế, tội khai khống hoá đơn thuế giá trị gia tăng, hoá đơn dùng

³² Điều 68. Người nộp thuế, người có nghĩa vụ khấu trừ thuế không nộp hoặc nộp thiếu số thuế phải nộp hoặc phải khấu trừ trong thời hạn quy định, đã được cơ quan thuế yêu cầu nộp trong thời hạn quy định mà vẫn nộp đúng thời hạn thì cơ quan thuế ngoài việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định tại Điều 40 của Luật này để thu hồi số tiền thuế không nộp hoặc nộp thiếu, còn có thể phạt tiền từ 50% đến 5 lần số tiền thuế không nộp hoặc nộp thiếu.

³³ Điều 35 Luật quản lý thuế 2020: “Người nộp thuế thuộc một trong các trường hợp sau đây thì cơ quan thuế có quyền xác định số thuế phải nộp:

(1). Theo quy định của pháp luật hoặc quy phạm pháp luật hành chính, không bắt buộc phải lập sổ sách kế toán;

(2). Theo quy định của pháp luật hoặc quy phạm pháp luật hành chính, phải lập sổ sách kế toán nhưng không lập;

(3). Tự ý tiêu hủy sổ sách kế toán hoặc từ chối cung cấp tài liệu liên quan đến việc nộp thuế;

(4). Mặc dù đã lập sổ sách kế toán nhưng sổ sách lộn xộn hoặc tài liệu về chi phí, chứng từ thu nhập, hóa đơn chi phí không đầy đủ gây khó khăn cho việc kiểm toán;

(5). Phát sinh nghĩa vụ nộp thuế nhưng không kê khai thuế trong thời hạn quy định, mặc dù đã được cơ quan thuế yêu cầu kê khai trong thời hạn nhất định mà vẫn không thực hiện;

(6). Cơ sở tính thuế do người nộp thuế khai báo rõ ràng là thấp một cách bất thường và không có lý do chính đáng.

Thủ tục biện pháp cụ thể để cơ quan thuế xác định số thuế phải nộp do Cơ quan quản lý thuế thuộc Quốc vụ viện quy định”

³⁴ Điều 38, Điều 65 Luật Quản lý thuế năm 2020.

để gian lận hoàn thuế xuất khẩu, khấu trừ thuế. Cụ thể: nếu cá nhân, doanh nghiệp dùng thủ đoạn gian dối, che giấu để khai báo sai hoặc không khai báo thuế, trốn nộp thuế với số tiền tương đối lớn và chiếm trên 10% số thuế phải nộp, thì cấu thành tội trốn thuế. Chế tài hình sự được áp dụng đối với các hành vi này là phạt tù đến 03 năm hoặc phạt cải tạo giam giữ, đồng thời phạt tiền. Nếu số tiền trốn thuế rất lớn, chiếm trên 30% số thuế phải nộp, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm, đồng thời bị phạt tiền³⁵. Khi được cơ quan thuế ra thông báo yêu cầu truy thu theo pháp luật, cá nhân hoặc doanh nghiệp nói trên đã bổ sung phần thuế phải nộp, nộp tiền phạt chậm nộp và đã bị xử phạt hành chính, thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp trong thời gian 05 năm đã bị xử phạt hình sự về tội trốn thuế hoặc đã bị cơ quan thuế xử phạt hành chính từ 02 lần trở lên do trốn thuế.

Người nộp thuế không nộp đủ số tiền thuế cần phải nộp, mà thực hiện các thủ đoạn chuyển nhượng hoặc che giấu tài sản, làm cho cơ quan thuế không thể truy thu phần thuế còn nợ, với số tiền nợ thuế từ 10.000 nhân dân tệ đến dưới 100.000 nhân dân tệ, thì cấu thành tội trốn truy thu nợ thuế. Chế tài hình sự được áp dụng đối với các hành vi này là phạt tù đến 03 năm hoặc phạt cải tạo giam giữ, đồng thời phạt tiền hoặc chỉ phạt tiền từ 01 đến 05 lần số tiền thuế nợ; nếu số tiền nợ thuế từ 100.000 nhân dân tệ trở lên, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm, đồng thời phạt tiền từ 01 đến 05 lần số tiền thuế nợ³⁶.

Cá nhân khai khống hoá đơn thuế giá trị gia tăng hoặc khai khống các hoá đơn khác dùng để gian lận hoàn thuế xuất khẩu, khấu trừ thuế phải chịu chế tài hình sự. Khai khống hoá đơn thuế giá trị gia tăng hoặc khai khống các hoá đơn khác dùng để gian lận hoàn thuế xuất khẩu, khấu trừ thuế, là việc thực hiện một trong các hành vi sau: khai khống hoá đơn cho người khác, khai khống hoá đơn cho chính mình, nhờ người khác khai khống hoá đơn cho mình, giới thiệu người khác khai khống hoá đơn³⁷. Hình phạt áp dụng đối với hành vi khai khống hoá đơn thuế giá trị gia tăng hoặc khai khống các hoá đơn khác dùng để gian lận hoàn thuế xuất khẩu, khấu trừ thuế là phạt tù đến 03 năm hoặc phạt cải tạo giam giữ, đồng thời phạt tiền từ 20.000 nhân dân tệ đến 200.000 nhân dân tệ; nếu số thuế khai khống tương đối lớn hoặc có tình tiết nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm, đồng thời phạt tiền từ 50.000 nhân dân tệ đến 500.000 nhân dân tệ; nếu số thuế khai khống rất lớn hoặc có tình tiết đặc biệt nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ 10 năm trở lên hoặc tù chung thân, đồng thời phạt tiền từ 50.000 nhân dân tệ đến 500.000 nhân dân tệ hoặc phạt tịch thu tài sản. Doanh nghiệp/đơn vị khai khống hoá đơn thuế giá trị gia tăng, hoá đơn dùng để gian lận hoàn thuế xuất khẩu, khấu trừ thuế thì bị phạt tiền, đồng thời người quản lý

³⁵ Điều 201 Bộ luật Hình sự Trung Quốc (sửa đổi năm 2023): "Tội trốn thuế"

³⁶ Điều 203 Bộ luật Hình sự Trung Quốc: "Tội trốn truy thu nợ thuế"

³⁷ Điều 205 Bộ luật Hình sự Trung Quốc: "Tội khai khống hoá đơn thuế giá trị gia tăng hoặc khai khống các hoá đơn khác dùng để gian lận hoàn thuế xuất khẩu, khấu trừ thuế"

phụ trách trực tiếp và người có trách nhiệm trực tiếp khác bị phạt tù đến 03 năm hoặc phạt cải tạo giam giữ; nếu số thuế khai khống tương đối lớn hoặc có tình tiết nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm; nếu số thuế khai khống rất lớn hoặc có tình tiết đặc biệt nghiêm trọng khác, thì bị phạt tù từ 10 năm trở lên hoặc tù chung thân³⁸.

Cá nhân, doanh nghiệp mua trái phép hóa đơn thuế giá trị gia tăng, mua hóa đơn thuế giá trị gia tăng giả thì bị phạt tù đến 05 năm hoặc phạt cải tạo giam giữ, đồng thời phạt tiền hoặc chỉ phạt tiền từ 20.000 nhân dân tệ đến 200.000 nhân dân tệ³⁹. Nếu cá nhân làm giả, tự ý sản xuất các loại hóa đơn hoặc bán hóa đơn giả, bán trái phép hóa đơn, tự ý sản xuất các loại hóa đơn khác có thể dùng để gian lận chiếm đoạt tiền hoàn thuế xuất khẩu, khấu trừ hóa đơn thuế, thì bị phạt tù đến 03 năm, phạt cải tạo giam giữ hoặc phạt quản chế, đồng thời phạt tiền từ 20.000 nhân dân tệ đến 200.000 nhân dân tệ; nếu với số lượng rất lớn, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm, đồng thời phạt tiền từ 50.000 nhân dân tệ đến 500.000 nhân dân tệ; nếu với số lượng đặc biệt lớn, thì bị phạt tù từ 07 năm trở lên, đồng thời phạt tiền từ 50.000 nhân dân tệ đến 500.000 nhân dân tệ hoặc phạt tịch thu tài sản⁴⁰. Cá nhân mà có trộm cắp hóa đơn thuế giá trị gia tăng hoặc các loại hóa đơn khác có thể dùng để gian lận hoàn thuế xuất khẩu, khấu trừ thuế hoặc sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt hóa đơn thuế giá trị gia tăng hoặc các loại hóa đơn khác có thể dùng để gian lận hoàn thuế xuất khẩu, khấu trừ thuế thì có thể bị truy trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp hoặc tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 264 và 266 BLHS.

5. Đánh giá các chính sách ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp tái chế và sản phẩm tái chế

Thuế là một công cụ chính sách quan trọng để thúc đẩy phát triển xanh, góp phần xây dựng một nền kinh tế tuần hoàn và bền vững. Trung Quốc đã ban hành và hoàn thiện nhiều chính sách thuế bao gồm các loại thuế độc lập liên quan trực tiếp đến bảo vệ tài nguyên và môi trường (như thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ...), cùng các loại thuế truyền thống như thuế GTGT, thuế TNDN, và thuế mua sắm phương tiện... Những chính sách này tạo nên hệ thống thuế toàn diện, thúc đẩy sự phát triển bền vững và bảo vệ môi trường tại Trung Quốc.

5.1. Kết quả đạt được

Thứ nhất, thúc đẩy các doanh nghiệp tiết kiệm và sử dụng tài nguyên hiệu quả.

Trung Quốc áp dụng chính sách tăng thuế đối với các hoạt động sản xuất và tiêu dùng có mức tiêu thụ tài nguyên cao, đồng thời thực hiện chính sách ưu đãi thuế đối

³⁸ Điều 207 Bộ luật Hình sự Trung Quốc: "Tội bán trái phép hóa đơn thuế giá trị gia tăng"

³⁹ Điều 208 Bộ luật Hình sự Trung Quốc: "Tội mua trái phép hóa đơn thuế giá trị gia tăng, mua hóa đơn thuế giá trị gia tăng giả"

⁴⁰ Điều 209 Bộ luật Hình sự Trung Quốc "Tội sản xuất, bán hóa đơn trái phép để gian lận chiếm đoạt tiền hoàn thuế xuất khẩu, khấu trừ hóa đơn thuế".

với các hoạt động tiết kiệm tài nguyên. Chính sách này được thực hiện theo nguyên tắc “sử dụng nhiều thì thu nhiều, sử dụng ít thì thu ít”, nhằm khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và thúc đẩy phát triển tài nguyên tái tạo, khai thác tài nguyên tổng hợp. Với việc cải cách toàn diện các chính sách về thuế, áp dụng phương pháp tính thuế dựa trên giá trị tài nguyên sử dụng đã giá trị trong việc hướng dẫn tiết kiệm tài nguyên, đồng thời tăng cường hiệu quả sinh thái. Theo số liệu thống kê, mức tiêu thụ năng lượng trên mỗi 10.000 nhân dân tệ GDP tại Trung Quốc đã giảm từ 0,63 tấn than tiêu chuẩn năm 2015 xuống còn 0,55 tấn năm 2020⁴¹. Lượng nước sử dụng trên mỗi 10.000 nhân dân tệ GDP giảm từ 104 m³ năm 2015 xuống còn 53 m³ năm 2022⁴². Diện tích đất xây dựng sử dụng trên mỗi đơn vị GDP vào năm 2022 đã giảm 21,51% so với năm 2017⁴³. Việc nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên làm tăng khả năng phát triển bền vững của nền kinh tế Trung Quốc.

Việc hưởng ưu đãi thuế trong sử dụng tổng hợp tài nguyên thực tế bao gồm hai loại hình doanh nghiệp: doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, khai thác tự phát sinh chất thải rồi tái sử dụng, và các doanh nghiệp môi trường. Các doanh nghiệp này phụ thuộc vào chất thải từ các doanh nghiệp ở đầu nguồn để sản xuất, chẳng hạn như các công ty xử lý nước thải, doanh nghiệp sản xuất chất thải để tạo ra điện, hay doanh nghiệp sử dụng than đá, vật liệu xây dựng cũ để sản xuất xi măng. Để đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi thuế, các doanh nghiệp này đã tăng cường mua chất thải làm nguyên liệu tái xuất. Điều này thúc đẩy một cách khách quan quá trình xử lý chất thải,

⁴¹ 习近平: 高举中国特色社会主义伟大旗帜 为全面建设社会主义现代化国家而团结奋斗:在中国共产党第二十次全国代表大会上的报告, 中华人民共和国中央人民政府 2022-10-16 (tạm dịch: “Tập Cận Bình: Gương cao ngọn cờ vĩ đại của chủ nghĩa xã hội Trung Quốc và đoàn kết phấn đấu xây dựng toàn diện đất nước xã hội chủ nghĩa hiện đại: Báo cáo tại Đại hội toàn quốc lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Trung Quốc”, Chính phủ nhân dân Trung Quốc, 16/10/2022), https://www.baidu.com/link?url=FbiluUtz7S90I2yGkQgFK6M7oquyxRsN9EOvtXXa7h_Dgq9GyYt0NE5ZsopR_Bmpie_Qn0QaAwOsNrG0eat95lutJYasg4LsDKQ643n0IZG&wd=&eqid=f6afb80e026f02e600000000667f40a1f (truy cập ngày 7/4/2025).

⁴² 《中华人民共和国2015年国民经济和社会发展统计公报》(tạm dịch: “Bản tin thống kê về sự phát triển kinh tế và xã hội quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2015”), https://www.baidu.com/link?url=gkhZvB2X3N18eD95cLo7xBMleNmPMtNikBBLJ6AtWQ_ZBPQ4Rba_TXjIde2wmckftJ8GPJJHndpDNf-iouSm2q3rrldZn_1WxR64AhsCVUG&wd=&eqid=ce47f9fa01a2de9000000000667f40e71 và 《中华人民共和国2022年国民经济和社会发展统计公报》(tạm dịch: “Bản tin thống kê về sự phát triển kinh tế và xã hội quốc gia của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2022”) https://www.baidu.com/link?url=PKUQ_haurraeAFyXoKnbmJJbUx4VCpvKxJlKfTQWUPRvqjAOLs7QUu_w5P-q457HUVwrlH_wSN49f9fkYEbtqa050ZvfT01wb_nkRzk7kRq&wd=&eqid=fe6ea56d0293d6a900000000667f40f50 (truy cập ngày 7/4/2025).

⁴³ 庞无忌, 自然资源部:中国单位GDP建设用地使用面积5年下降21.51% (Tạm dịch: Pang Wuji, Bộ Tài nguyên: Diện tích sử dụng đất xây dựng trên một đơn vị GDP của Trung Quốc đã giảm 21,51% trong 5 năm (12/01/2023), https://www.baidu.com/link?url=4ehmMCSLZ_uigy--6Z3saMBuuDKJqeMabmXcr5BJGOx0U4HD5fIroRS_IP07reESvsD6EIHhTvMpZ617VBXbq&wd=&eqid=9ec3f7c200403e3300000000667f41002, truy cập ngày 7/4/2025 (truy cập ngày 07/04/2025).

đồng thời, nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật của các doanh nghiệp xử lý chất thải này.

Lợi ích của chính sách thuế không chỉ được phản ánh ở các công ty tái chế tài nguyên mà các cá nhân bán sản phẩm phế liệu cũng có thể được miễn hoặc giảm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân. Chính sách giảm hoặc miễn thuế giá trị gia tăng, các khoản phụ phí và thuế thu nhập cá nhân khi tham gia vào ngành tái chế tài nguyên giúp khuyến khích lượng lớn cá nhân tham gia tái chế tài nguyên.

Thứ hai, thúc đẩy tái chế tài nguyên công nghiệp

Trung Quốc đã thúc đẩy mạnh mẽ việc sử dụng toàn diện các nguồn tài nguyên công nghiệp, đồng thời khuyến khích, định hướng các doanh nghiệp kiểm soát rác thải, tái chế tài nguyên một cách hiệu quả và toàn diện trên quy mô lớn. Để hỗ trợ hoạt động này, các cơ quan tài chính và thuế đã liên tiếp ban hành các chính sách ưu đãi như hoàn thuế GTGT giảm, miễn thuế TNDN... Trong quá trình hoạt động, dựa vào chi phí và lợi ích mà doanh nghiệp phải lựa chọn phương án tối ưu cho hoạt động của mình. Nếu lựa chọn phương án xả chất thải trực tiếp không qua xử lý thì doanh nghiệp phải nộp thuế bảo vệ môi trường (hoặc phí nước thải), còn nếu lựa chọn phương án xử lý chất thải thì doanh nghiệp sẽ được hưởng ưu đãi thuế cũng như các chính sách ưu đãi khác chính phủ. Mặc dù xử lý rác thải đòi hỏi phải cải tiến quy trình xử lý và chi phí vận hành thiết bị cao, nhưng sản phẩm được sản xuất từ nguyên liệu tái chế sẽ tạo ra doanh thu bán hàng và được hoàn thuế VAT lên tới 70%. Vì vậy, chi phí xử lý chất thải để tái chế có thể lớn hơn giá thành của sản phẩm mới nhưng xét đến lợi ích về thuế, các doanh nghiệp thường ưu tiên lựa chọn phương thức tái chế. Những chính sách thuế này đã giúp doanh nghiệp tái chế chú trọng sử dụng và tái chế các nguồn tài nguyên trong quá trình sản xuất, góp phần nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và xây dựng tư duy phát triển xanh trong doanh nghiệp. Mức độ tái chế toàn diện tài nguyên chất thải công nghiệp tại Trung Quốc ngày càng tăng. Theo số liệu của Bộ Công nghiệp và Công nghệ thông tin, trong năm 2023 khối lượng pin xe điện đã qua sử dụng được tái chế đạt 225.000 tấn, đảm bảo số pin xe điện đã qua sử dụng được thu hồi và tái chế toàn bộ. Ngành sản xuất thiết bị gia dụng đạt tỷ lệ tái chế trên 80% đối với tủ lạnh, máy giặt, máy điều hòa không khí và các sản phẩm khác (Cheng, 2024)⁴⁴. Những kết quả này không chỉ giúp giảm áp lực tài nguyên tự nhiên mà còn góp phần xây dựng một nền kinh tế tuần hoàn và bền vững, phù hợp với mục tiêu phát triển xanh của Trung Quốc.

⁴⁴ 陈维城, 工信部:去年新能源汽车废旧动力电池综合利用量22.5万吨 (Tạm dịch: Chen Weichen, Bộ Công nghiệp và Công nghệ thông tin: "Lượng pin năng lượng thải được sử dụng toàn diện cho các phương tiện sử dụng năng lượng mới là 225.000 tấn"), <https://www.bjnews.com.cn/detail/1705636183129557.html>, truy cập ngày 02/11/2024.

Thứ ba, khuyến khích doanh nghiệp chủ động giảm ô nhiễm và chất thải

Với Luật Thuế bảo vệ môi trường có hiệu lực ngày 1/1/2018, “thuế tính phí” được áp dụng đối với chất thải - loại thuế đầu tiên của Trung Quốc được quy định riêng nhằm bảo vệ môi trường. Đối tượng chịu thuế gồm 04 loại: chất gây ô nhiễm không khí, chất gây ô nhiễm nguồn nước, chất thải rắn và tiếng ồn. Để khuyến khích doanh nghiệp giảm chất thải gây ô nhiễm, Luật Thuế bảo vệ môi trường quy định miễn thuế đối với chất thải rắn được tái chế và giảm thuế cho khí thải và nước thải có nồng độ thấp hơn tiêu chuẩn quy định chất thải. Hệ thống thuế này áp dụng cơ chế khuyến khích tích cực với nguyên tắc “rác thải nhiều thì nộp thuế nhiều, rác thải ít thì nộp thuế ít, không rác thải thì không nộp thuế,” qua đó thúc đẩy doanh nghiệp tích cực giảm thiểu ô nhiễm. Từ năm 2011 đến 2022, trong số các rác thải gây ô nhiễm chủ yếu ở Trung Quốc, tổng lượng amoniac-nitơ giảm từ 2,604 triệu tấn xuống còn 818.6 nghìn tấn, lượng lưu huỳnh dioxide (SO₂) giảm từ 22,179 triệu tấn xuống còn 2,435 triệu tấn, và lượng chất thải rắn công nghiệp giảm từ 4,333 triệu tấn xuống còn 53.6 nghìn tấn,⁴⁵ lượng ô nhiễm trên mỗi 10.000 nhân dân tệ GDP năm 2020 giảm 25,86% so với năm 2018 (Wu, 2024)⁴⁶. Lượng chất thải gây ô nhiễm của các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế cho sử dụng tổng hợp tài nguyên thấp hơn so với các doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi thuế. Có những doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế để sử dụng toàn diện tài nguyên đã đạt mức chất thải ô nhiễm bằng 0 (...)⁴⁷.

Thứ tư, thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của ngành công nghiệp môi trường

Hiện nay, ngành công nghiệp môi trường tại Trung Quốc đã bước vào giai đoạn phát triển chất lượng cao. Cơ chế hạn chế và khuyến khích của chính sách “thuế xanh” đã thúc đẩy các doanh nghiệp gia tăng vốn đầu tư vào hoạt động kiểm soát ô nhiễm và giảm rác thải, bao gồm mua sắm thiết bị bảo vệ môi trường hoặc mua công nghệ được cấp bằng sáng chế về bảo vệ môi trường. Đối với các nhà sản xuất thiết bị bảo vệ môi trường hoặc các chủ sở hữu công nghệ được cấp bằng sáng chế bảo vệ môi trường thì các khoản đầu tư này đã tạo ra thị trường tiêu thụ, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ ngành công nghiệp xanh phát triển. Theo dữ liệu của Ủy ban Phát triển và cải cách

⁴⁵ 《中国统计年鉴》 (tạm dịch: “Niên giám thống kê Trung Quốc”) qua các năm. https://www.baidu.com/link?url=NmSiRePYGKn3_XC-wUyu-OK6uIS-Td9AwlCKFJgvPMnCRocrZ_xplmYazs-gOIB&wd=&eqid=a4e03f5f029e7ce40000000667f41116 (truy cập ngày 7/4/2025).

⁴⁶ 吴阳, 国家税务总局: 环保税法实施3年, 每万元GDP产值对应污染当量数下降25.8% (tạm dịch: Wu Yang, Cục Quản lý Thuế Nhà nước: “Ba năm thực hiện Luật Thuế bảo vệ môi trường, lượng ô nhiễm trên mỗi 10.000 nhân dân tệ GDP đã giảm 25,8%”) , http://k.sina.com.cn/article_6105713761_16bedcc6102000z4v0.html (truy cập ngày 27/10/2024).

⁴⁷ “Phát triển xanh của Trung Quốc trong kỷ nguyên mới”, https://www.ndrc.gov.cn/fzggw/wld/zcx/lddt/202301/t20230119_1347099.html (truy cập ngày 01/11/2024).

Quốc gia Trung Quốc, giá trị sản lượng của ngành bảo tồn năng lượng và bảo vệ môi trường vượt 8.000 tỷ nhân dân tệ vào năm 2021,⁴⁸ với mức tăng trưởng trung bình hàng năm trên 10%.⁴⁹ Năm 2022, doanh thu của ngành công nghiệp sinh thái và bảo vệ môi trường đạt khoảng 2,22 nghìn tỷ nhân dân tệ, tăng khoảng 372,3% so với 10 năm trước.⁵⁰ Những kết quả này cho thấy vai trò quan trọng của hệ thống thuế xanh trong việc thúc đẩy nền kinh tế bền vững.

Bên cạnh đó, chính sách ưu đãi thuế có tác động kích thích ngành công nghiệp sử dụng tổng hợp tài nguyên mở rộng quy mô hoạt động gia công phế liệu. Các doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp bảo vệ môi trường) đã sử dụng toàn diện các sản phẩm trung gian và chất thải để làm nguồn nguyên liệu tái xuất. Lượng rác thải được các doanh nghiệp này thu mua tăng từ 15% đến 17% (Jie, 2020)⁵¹. Các doanh nghiệp sử dụng tổng hợp tài nguyên được hưởng ưu đãi thuế có tỷ lệ mua nguyên liệu phế thải cao hơn so với các doanh nghiệp không hưởng ưu đãi thuế. Cụ thể, các doanh nghiệp sử dụng tổng hợp tài nguyên với nước thải làm nguyên liệu thì lượng nước thải thu mua của các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế nhiều hơn 16,42% so với các doanh nghiệp cùng loại không hưởng ưu đãi thuế, với khí thải thì tỷ lệ thu mua nhiều hơn 17,18% và với chất thải rắn thì tỷ lệ thu mua nhiều hơn 15,27% (Jie, 2020)⁵². Điều này cho thấy chính sách ưu đãi thuế đã thúc đẩy sự hình thành thị trường chuyên môn hóa về kiểm soát ô nhiễm, cho phép các chất thải ô nhiễm trở thành nguyên liệu cho các ngành công nghiệp sản xuất, góp phần hình thành chuỗi kinh tế tuần hoàn.

Thứ năm, hạn chế các hành vi vi phạm pháp luật về thuế và tăng thu ngân sách nhà nước

Việc Trung Quốc triển khai các chính sách thuế ưu đãi trong lĩnh vực tái chế tài nguyên, đặc biệt là thuế VAT và thuế TNDN, đã đặt ra nhiều tranh luận về hiệu quả tài

⁴⁸ “Phát triển xanh của Trung Quốc trong kỷ nguyên mới”, https://www.ndrc.gov.cn/fzggw/wld/zcx/lddt/202301/t20230119_1347099.html (truy cập ngày 01/11/2024):

⁴⁹ 朱彩云, 近年来我国节能环保产业产值年均增长10%以上 (tạm dịch: Zhu CaiYun: “Giá trị sản lượng của ngành bảo tồn năng lượng và bảo vệ môi trường ở Trung Quốc đã tăng trưởng với tốc độ trung bình hàng năm hơn 10%”), https://cj.sina.com.cn/articles/view/1726918_143/66eeadff02001gj3r, truy cập ngày 01/11/2024.

⁵⁰ 章轲, 生态环保产业面临新一轮机遇, 行业协会鼓励探索颠覆性技术 (tạm dịch: Zhang Ke: “Ngành bảo vệ sinh thái và môi trường đối mặt với cơ hội mới và các hiệp hội ngành khuyến khích các công nghệ đột phá”), <https://www.yicai.com/news/101938575.html>, truy cập ngày 20/10/2024.

⁵¹ 解洪涛, 张建顺: 资源综合利用税收优惠政策效果再评估 ——基于税源调查数据的实证分析, 当代财经, 2020年第3期 (tạm dịch: Jie Hongtao, Zhang Jianshun: “Đánh giá lại tác động của chính sách ưu đãi thuế đối với việc sử dụng toàn diện nguồn lực - Phân tích thực nghiệm dựa trên dữ liệu khảo sát nguồn thuế”, Tài chính đương đại, số 3 năm 2020), tr.38.

⁵² 解洪涛, 张建顺: 资源综合利用税收优惠政策效果再评估 ——基于税源调查数据的实证分析, 当代财经, 2020年第3期 (tạm dịch: Jie Hongtao, Zhang Jianshun: “Đánh giá lại tác động của chính sách ưu đãi thuế đối với việc sử dụng toàn diện nguồn lực - Phân tích thực nghiệm dựa trên dữ liệu khảo sát nguồn thuế”, Tài chính đương đại, số 3 năm 2020), tr.38.

khóa và khả năng duy trì nguồn thu ngân sách nhà nước. Trên thực tế, một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng các chính sách ưu đãi này không mang lại hiệu ứng gia tăng thu ngân sách trong ngắn hạn, thậm chí làm giảm thu từ thuế trực tiếp đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành. Cụ thể chính sách giảm VAT ngành tái chế cho thấy hiệu ứng tài khóa chung khi áp dụng ưu đãi thuế lớn là suy giảm thu thuế trực tiếp trong thời điểm áp dụng, tạo khoảng cách giữa thu và chi ngân sách của chính quyền địa phương, đồng thời gia tăng áp lực tài chính địa phương (Guo và Shi, 2021). Tuy nhiên, Guo và Shi (2021) cũng xác nhận rằng ngay cả khi làm giảm thu trực tiếp, chính phủ vẫn cân nhắc tới mục tiêu dài hạn bền vững như thúc đẩy ngành tái chế minh bạch, an toàn tài nguyên và giảm áp lực môi trường. Vì vậy, cần nhìn nhận chính sách này dưới góc độ chiến lược phát triển bền vững, nơi Trung Quốc đang theo đuổi các mục tiêu dài hạn về an ninh tài nguyên, tăng trưởng xanh, và ổn định tài khóa để tạo điều kiện phát triển minh bạch, bền vững, cũng như giảm gian lận và góp phần ổn định thu ngân sách⁵³. Chúng ta có thể đánh giá hiệu quả việc áp dụng các chính sách ưu đãi thuế sử dụng tài nguyên tái chế tại Trung Quốc cụ thể như sau:

- *Việc áp dụng các chính sách ưu đãi về thuế sử dụng tài nguyên tái chế này làm tăng các nguồn thu thuế khác cho ngân sách thông qua hỗ trợ giảm gánh nặng về thuế cho doanh nghiệp, khuyến khích họ sử dụng tài nguyên tái chế, từ đó phát triển quy mô kinh doanh (Lingling và Hongping, 2022). Theo nghiên cứu của Liu, Gong và Wang (2022), mô hình động hệ thống áp dụng tại Quảng Châu cho thấy nếu doanh nghiệp tái chế chất thải xây dựng được hưởng ưu đãi thuế VAT và TNDN ở mức 70% thì tỷ suất lợi nhuận tăng mạnh, doanh thu ngành có thể tăng trung bình 33,56% mỗi năm đến năm 2030 và tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư đạt mức 42–46,8% tùy tình huống cụ thể. Vì vậy, cho dù các ưu đãi thuế có thể làm giảm thu ngân sách ngắn hạn, nhưng về lâu dài doanh nghiệp sẽ phát triển mạnh hơn, đầu tư công nghệ và mở rộng sản xuất, tiến tới thúc đẩy mở rộng quy mô ngành, từ đó tạo ra các nguồn thu thuế gián tiếp lớn hơn, bao gồm thu nhập cá nhân từ lao động, thuế tài sản và tiêu dùng từ hoạt động sản xuất phụ trợ (Zhang và Chen, 2023). Có thể nói rằng, các chính sách ưu đãi thuế sử dụng tài nguyên tái chế có thể tạo ra vòng luân hồi kích cầu và đa dạng hóa nguồn đóng góp. Theo đó, những ưu đãi ban đầu kích cầu ngành tái chế, khiến cho ngành phát triển kéo theo doanh thu mới mạnh hơn, tạo sự dịch chuyển từ thu trực tiếp sang nguồn thu đa dạng và lớn hơn.*

- *Việc áp dụng các chính sách này giúp cải thiện năng lực quản lý thuế, hạn chế tình trạng mua bán hóa đơn và gian lận thuế vốn phổ biến trong ngành. Những năm*

⁵³ 《再生资源行业减税降负遇难点，专家建议动态调整优惠目录》(Tạm dịch “Các khó khăn chính về chính sách thuế trong ngành tái chế tài nguyên”) - Ủy ban cải cách và phát triển quốc gia Trung Quốc (NDRC-National Development and Reform Commission)

https://www.ndrc.gov.cn/fggz/hjzy/zyzhlyhxxhj/202111/t20211125_1315410.html?

gần đây, chính quyền Trung Quốc cũng đã từng bước kiểm soát chặt các rủi ro từ chính sách ưu đãi thuế, qua việc cải thiện cơ chế giám sát, tăng cường chống gian lận hóa đơn, và sàng lọc điều kiện hưởng ưu đãi. Điều này thể hiện ở việc sửa đổi các khung xử lý hình sự đối với hành vi trốn thuế, mua bán hóa đơn bất hợp pháp, thông qua các văn bản như "Thông tư số 4/2024 của Tòa án Tối cao và Viện kiểm sát Tối cao"⁵⁴. Bằng cách kết hợp giữa ưu đãi thuế và cải cách quản trị thuế, Trung Quốc không chỉ duy trì được ổn định thu ngân sách mà còn nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực công trong việc tái phân bổ nguồn thu cho các mục tiêu xã hội lớn hơn.

Thông qua chính sách "xuất hóa đơn ngược" (người mua chịu trách nhiệm xuất hoá đơn) giữa cá nhân bán sản phẩm phế liệu và doanh nghiệp tái chế tài nguyên, các bên liên quan trong giao dịch tái chế tài nguyên được đưa vào phạm vi giám sát của hệ thống thuế. Điều này giúp tăng cường quản lý thuế đối với các cá nhân hành nghề trong ngành tái chế tài nguyên, ngăn chặn các hành vi gian lận hóa đơn của các doanh nghiệp tái chế, và tạo ra môi trường thuế thuận lợi cho sự phát triển của ngành tái chế tài nguyên. Việc triển khai chính sách "xuất hóa đơn ngược" có thể giảm thiểu rủi ro thuế đối với các doanh nghiệp tái chế tài nguyên do không có chứng từ khấu trừ thuế hợp lệ, dẫn đến việc xuất hóa đơn khống hoặc khấu trừ sai quy định. Ngoài ra, "xuất hóa đơn ngược" yêu cầu các doanh nghiệp tái chế tài nguyên lưu giữ tài liệu chứng minh tính xác thực của giao dịch và lập sổ sách thu mua, góp phần phát triển năng lực quản lý tài chính nội bộ và quản lý hoạt động kinh doanh, hướng tới sự phát triển tuân thủ và có trật tự các doanh nghiệp này. Đặc biệt, cùng với sự nâng cao năng lực kiểm tra thuế, các cơ quan thuế đã tích lũy được kinh nghiệm trong việc phát hiện các hành vi vi phạm liên quan đến "xuất hóa đơn ngược", từ đó có khả năng giám sát hiệu quả rủi ro thuế của doanh nghiệp tái chế tài nguyên.

Chính sách ưu đãi thuế giúp giảm bớt vấn đề thiếu vốn cho doanh nghiệp tái chế, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp tái chế tài nguyên. Hoạt động của các doanh nghiệp tái chế phản ánh toàn diện về nền kinh tế, hiệu quả và hiệu suất của các doanh nghiệp này, bao gồm các kết quả mà hoạt động tái chế tài nguyên mang lại trên các phương diện kinh tế, môi trường và xã hội, trong đó thể hiện rõ giá trị phát triển bền vững. Từ góc độ kinh tế, doanh nghiệp tái chế tài nguyên không chỉ tập trung vào việc khai thác giá trị kinh tế của tài nguyên tái chế và sản phẩm, từ đó tối ưu hóa tiết kiệm tài nguyên và hiệu quả chuyển đổi chất thải mà còn chú trọng vào khả năng thu hút đầu tư xã hội và tiềm năng phát triển của doanh nghiệp. Từ góc độ môi trường, tái chế tài nguyên không chỉ giúp giải quyết ô nhiễm từ việc tồn trữ chất thải mà còn chú trọng vào tiết kiệm năng lượng, giảm chất thải trong quá trình sản xuất, đảm bảo

⁵⁴ "Giải thích một số vấn đề pháp lý áp dụng khi xử lý các vụ án hình sự gây hại đến hoạt động quản lý thuế" 《最高人民法院、最高人民检察院关于办理危害税收征管刑事案件适用法律若干问题的解释》 - Tòa án Nhân dân Tối cao & Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao (có hiệu lực từ 20/3/2024)

tính xanh của sản phẩm và ngăn ngừa ô nhiễm thứ cấp. Từ góc độ xã hội, tái chế tài nguyên phản ánh sự đóng góp trong việc đào tạo nhân lực, xây dựng mô hình xanh, tạo việc làm, đáp ứng nhu cầu công cộng và chia sẻ tài nguyên của xã hội.

Tổng thể, dù các nghiên cứu và báo cáo chính thức có chỉ ra việc áp dụng chính sách ưu đãi thuế trong ngành tài nguyên tái tạo có thể làm giảm thu ngân sách tại thời điểm thu thuế, nhưng có thể khẳng định rằng Trung Quốc đang đạt được những kết quả tích cực mang tính hệ thống trong dài hạn. Việc tạo điều kiện thuận lợi về thuế giúp ngành tái chế phát triển theo hướng chính quy, từ đó tạo ra nhiều nguồn thu gián tiếp ổn định, đồng thời giảm chi phí xã hội liên quan đến ô nhiễm, xử lý chất thải và chi tiêu môi trường. Đồng thời cũng góp phần củng cố và tối ưu hóa công tác thu thuế, giảm rủi ro thu thuế và ổn định phát triển ngành (Zhang, 2018). Đây chính là mô hình “thuế đổi lấy tăng trưởng bền vững”, mang lại lợi ích liên ngành kinh tế – môi trường – xã hội mà Việt Nam hoàn toàn có thể tham khảo và điều chỉnh phù hợp với điều kiện nội bộ.

5.2. Một số vấn đề chính về thuế mà ngành tài nguyên tái chế đang đối mặt

Tuy rằng các chính sách quy định về thu thuế và ưu đãi thuế liên quan tới việc sử dụng tài nguyên toàn diện là đầy đủ và chi tiết, tuy nhiên theo Hiệp hội tài nguyên tái chế Trung Quốc (Báo cáo 2023 và 2024), trong quá trình thực hiện các chính sách này việc thu thuế của ngành tài nguyên tái chế vẫn đang gặp một số vấn đề khó khăn như sau:

Thứ nhất, thiếu hóa đơn đầu vào, khiến việc khấu trừ thuế GTGT trở nên khó khăn, làm tăng chi phí cho các doanh nghiệp thu mua tài nguyên.

Trên thực tế, nguyên liệu của các doanh nghiệp tái chế chủ yếu đến từ hai nguồn: thứ nhất là mua lại tài nguyên tái chế từ nhiều người tiêu dùng, tiểu thương và hộ cá thể, chiếm khoảng 90%, nhưng do không được nhận hóa đơn GTGT từ họ nên các doanh nghiệp thu mua không thể khấu trừ thuế đầu vào; nguồn thứ hai là mua tài nguyên tái chế từ các doanh nghiệp phát thải, nhiều doanh nghiệp không cấp hóa đơn GTGT theo quy định, cũng khiến các doanh nghiệp thu hồi không thể khấu trừ thuế đầu vào.

Thứ hai, chính sách ưu đãi thuế cho giai đoạn gia công sản xuất có phạm vi áp dụng hẹp, khó đáp ứng nhu cầu phát triển thực tế của ngành. Các điều kiện trong “Danh mục” rất khắt khe về tỷ lệ và tiêu chuẩn cao, khiến cho chỉ một số ít doanh nghiệp chế biến tài nguyên tái chế đáp ứng được yêu cầu. Thêm vào đó, nếu doanh nghiệp bị phạt hành chính về môi trường trên 10.000 nhân dân tệ, họ sẽ mất quyền lợi hoàn thuế trong ba năm.

Thứ ba, chính sách ưu đãi thuế cho giai đoạn chế biến tài nguyên tái chế khó có thể chuyển giao đến các doanh nghiệp thu mua chính thức.

Mặc dù ưu đãi thuế cho ngành tài nguyên tái chế nhằm vào giai đoạn gia công, nhưng mục đích thiết kế chính sách là khuyến khích sự phát triển toàn diện của doanh nghiệp, chuyển giao chính sách ưu đãi thuế từ giai đoạn sản xuất đến các doanh nghiệp thu mua chính thức. Trong thực tế, do chuỗi ngành công nghiệp thu hồi tài nguyên tái chế dài, các giai đoạn thu mua, lưu trữ, phân loại, xử lý, và chế biến sâu có sự phân công công việc chi tiết, một doanh nghiệp khó có thể hoàn thành tất cả các giai đoạn. Hiện tại, rào cản bước vào giai đoạn thu mua tương đối thấp, phần lớn các doanh nghiệp thu mua trong số đó không có bất kỳ giấy tờ hợp pháp nào. Do không nộp thuế, các nhà kinh doanh không chính thức đẩy giá lên cao khi thu mua tài nguyên tái chế từ người phát thải, tạo ra hai hệ thống giá: “giá không hóa đơn” của nhà thu mua không chính thức và “giá có hóa đơn” của doanh nghiệp thu mua chính thức, gây áp lực lên khả năng tồn tại của các doanh nghiệp thu mua chính thức.

Thứ tư, chính sách thuế hiện hành dẫn đến tình trạng giá tài nguyên tái chế không cạnh tranh, làm giảm sức cạnh tranh giá so với tài nguyên thiên nhiên.

Tài nguyên tái chế, sau khi thu hồi và xử lý, trở thành nguyên liệu tái sử dụng. So với tài nguyên thiên nhiên, chất lượng tài nguyên tái chế gần như tương đương, thậm chí ở một số loại còn tốt hơn, nhưng cũng tồn tại vấn đề nguồn cung cấp không ổn định. Hiện nay, ngành tài nguyên tái chế sắt vụn, giấy vụn và nhựa tái chế đang phải chịu gánh nặng thuế cao, làm tăng chi phí thu hồi và sử dụng, giảm lợi thế giá của chúng so với tài nguyên nguyên sinh, khiến các doanh nghiệp thường không muốn sử dụng nguyên liệu tái chế, gây bất lợi cho sự phát triển của nền kinh tế tuần hoàn.

Thứ năm, chính sách thuế địa phương chênh lệch lớn, tạo ra môi trường cạnh tranh không công bằng.

Hiện nay, Trung Quốc vẫn chưa ban hành chính sách thuế thống nhất phù hợp với nhu cầu phát triển của ngành tài nguyên tái chế, các địa phương có chính sách khác nhau. Ví dụ, để phát triển ngành tái chế và sử dụng vật liệu phế thải, các tỉnh như Sơn Đông, An Huy, Hà Nam đã ban hành chính sách hỗ trợ tài chính, thực hiện việc hoàn trả với tỷ lệ khác nhau đối với phần thuế GTGT giữ lại ở địa phương, tạo ra những “hố thuế” trong ngành. Những chính sách này, mặc dù đã giảm bớt gánh nặng cho một số doanh nghiệp tái chế, nhưng cũng đã làm tăng khoảng cách giữa các chính sách thuế địa phương.

Tuy rằng, trước mắt cần các bộ ngành và Hiệp hội tài nguyên tái chế Trung Quốc cần tập trung tháo gỡ các vấn đề còn gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong ngành tái chế tài nguyên như trên, nhưng nhờ có các chính sách thuế khuyến khích sử dụng sản xuất tài nguyên toàn diện mà ngành công nghiệp tái chế của Trung Quốc đang không ngừng phát triển mạnh mẽ. Về lâu dài, trong bối cảnh “carbon kép”, nhằm thúc đẩy phát triển xanh và ít carbon, không ngừng cải thiện chất lượng môi trường, thì

nhệm vụ nâng cao chất lượng và sự ổn định của hệ sinh thái, nâng cao toàn diện hiệu quả sử dụng tài nguyên hiện là trọng tâm phát triển trong “ Kế hoạch 5 năm lần thứ 14” của Đảng và Nhà nước Trung Quốc. Đến năm 2028, tổng lượng tái chế tài nguyên tái tạo của Trung Quốc dự kiến sẽ đạt 3,9 nghìn tỷ nhân dân tệ và giai đoạn tái tạo tài nguyên sẽ mở ra những cơ hội phát triển lớn hơn nữa (Báo cáo, 2024).

6. Khuyến nghị chính sách cho Việt Nam

Phát triển kinh tế tuần hoàn và thúc đẩy tái chế là một trong những chính sách được Việt Nam triển khai trong thời gian gần đây. Việt Nam đã ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, trong đó nhấn mạnh kinh tế tuần hoàn là mô hình giữ vai trò quan trọng để xanh hóa các ngành kinh tế. Chiến lược này cũng đã đặt ra những mục tiêu tham vọng đến năm 2050 là 100% chất thải rắn được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, trong đó hạn chế tối đa việc chôn lấp chất thải có thể tái chế (Quyết định 1658/QĐ-TTg). Đồng thời, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP đã thể chế hóa mạnh mẽ hơn nữa EPR và nhờ đó, cơ chế EPR chính thức được vận hành ở Việt Nam từ ngày 01/01/2024⁵⁵.

Đối với chính sách ưu đãi thuế dành cho sản phẩm tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế, hiện nay, Việt Nam mới có những quy định ban đầu, bao gồm:

- Miễn thuế xuất khẩu cho sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải (Điều 16.19.b Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016);
- Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tái tạo tài sản cố định của dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư, bao gồm các dự án xử lý, tái chế chất thải (Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016).

Như vậy, pháp luật về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp... chưa có những quy định cụ thể về ưu đãi thuế nhằm thúc đẩy sản xuất sản phẩm tái chế hay tiêu dùng sản phẩm tái chế như của Trung Quốc.

Từ kinh nghiệm của Trung Quốc, để đẩy mạnh áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn, tái chế chất thải và sử dụng sản phẩm tái chế, Việt Nam nên xem xét áp dụng một số ưu đãi đối với thuế GTGT và thuế TNDN. Khi xem xét xây dựng chính sách ưu đãi thuế này, Việt Nam cần chú ý các điểm sau đây:

- Giải quyết được vướng mắc về hóa đơn đầu vào đối với nguyên liệu tái chế, để việc khấu trừ, giảm thuế GTGT đối với sản phẩm tái chế được thực hiện dễ dàng. Khi

⁵⁵ Mai Thế Toàn & Lại Văn Mạnh (2022), “Giới thiệu khung pháp lý thực hiện kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam”, *Tạp chí Môi trường*, no. 1, tr. 24-28; Nguyễn Thị Thoa (2022), “Thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, no. 3, tr. 15-26; Nguyễn Ngọc Lý, Đoàn Vũ Thảo Ly, Đào Thị Ngọc Anh & Đoàn Bảo Hân (2024), “Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) và cơ hội hợp thức hóa các lao động thu gom rác thải phi chính thức”, *Tạp chí Môi trường*, no. 12, tr. 54-57.

này, Việt Nam nên nghiên cứu và cân nhắc sử dụng chính sách xuất hóa đơn ngược của Trung Quốc.

- Xem xét các tiêu chí áp dụng cho các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thế mang tính thuận lợi để tăng cường số lượng doanh nghiệp tham gia tái chế và sản xuất sản phẩm tái chế;

- Xây dựng các biện pháp để hạn chế hệ thống hai giá trong thu mua nguyên liệu tái chế.

7. Kết luận

Ưu đãi về thuế có thể trở thành một công cụ quan trọng để thúc đẩy tái chế và sử dụng sản phẩm tái chế tại Trung Quốc. Chính sách này đã được thực hiện trong một thời gian tương đối dài và góp phần tạo ra ngành công nghiệp tái chế với quy mô lớn và giúp việc sử dụng sản phẩm tái chế ngày càng được mở rộng tại thị trường Trung Quốc. Từ bài học của Trung Quốc, Việt Nam có thể nghiên cứu và áp dụng chính sách ưu đãi thuế này bằng việc xem xét sửa đổi một số văn bản quy phạm pháp luật về thuế GTGT hay TNDN. Tuy nhiên, Việt Nam cũng cần phải chú trọng tới việc xử lý một số hạn chế mà bản thân Trung Quốc đã gặp phải khi triển khai áp dụng ưu đãi thuế nêu trên.

Tài liệu tham khảo

- 中国物资再生协会. (2023). 中国再生资源回收行业发展报告. <https://www.hbzhan.com/news/detail/163517.html> (Tạm dịch "Báo cáo phát triển ngành tái chế tài nguyên tái tạo Trung Quốc (2023)", Hiệp hội tái chế tài nguyên Trung Quốc.)
- 中国物资再生协会. (2024). 中国再生资源回收行业发展报告 (2024) . <https://www.chinaisa.org.cn/gxportalFile/attach/2024/07/10/1720599598339032383.pdf> (Tạm dịch "Báo cáo phát triển ngành tái chế tài nguyên tái tạo của Trung Quốc (2024), Hiệp hội tái chế tài nguyên Trung Quốc.)
- 财政部 & 国家税务总局. (2021年12月30日). 关于完善资源综合利用增值税政策的公告 (2021年第40号) . https://www.gov.cn/zhengce/zhengceku/2022-02/28/content_5676109.htm (Tạm dịch "Thông báo về việc cải thiện chính sách thuế giá trị gia tăng sử dụng tài nguyên toàn diện (số 40)", Bộ Tài chính và Tổng Cục Thuế Nhà nước, ngày 30/12/2021).
- 中华人民共和国国务院. (2007年12月6日). 中华人民共和国企业所得税法实施条例 (国务院令 第512号) . 发布日期：2007年11月28日，通过日期同前，施行日期：2008年1月1日. 中国政府网. https://www.gov.cn/zwgk/2007-12/11/content_830645.htm (Tạm dịch "Quy định thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa", Sắc lệnh chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa số 512, ngày 6/12/2007)
- Atasu A, Ozdemir O, Wassenhove (2013). Stakeholder perspectives on e-waste take-back legislation. *Prod Oper Manag* 2013;22:382–96.
- Banar M, Cokaygil Z, Ozkan A (2009). Life cycle assessment of solid waste management options for Eskisehir, Turkey. *Waste Management* 2009;29:54–62.
- Bilitewski B (2008). From traditional to modern fee systems. *Waste Management* 2008;28:2760–6.
- Boudreaux, Donald J.; Meiners, Roger (2019). "Externality: Origins and Classifications". *Natural Resources Journal*. 59 (1): 1–34. ISSN 0028-0739.
- Cruz NF, Ferreira S, Cabral M, Simões P, Marques RC (2014). Packaging waste recycling in Europe: Is the industry paying for it? *Waste Manage* 2014;34:298–308
- Chen Weichen, "Lượng pin năng lượng thải được sử dụng toàn diện cho các phương tiện sử dụng năng lượng mới là 225.000 tấn", <https://www.bjnews.com.cn/detail/1705636183129557.html>, truy cập ngày 02/11/2024.
- David W. Williams (1996), *Principle of tax law*, Sweet & Maxwell; 3rd edition (November 7, 1996), ISBN-13 : 978-0421570900

- Deng WJ, Louie PKK, Liu WK, Bi XH, Fu JM, Wong (2006). Atmospheric levels and cytotoxicity of PAHs and heavy metals in TSP and PM_{2.5} at an electronic waste recycling site in southeast China. *Atmospheric Environment* 2006;40:6945–55.
- Directive 2005/32/EC on Eco-design of Energy-using Products (EuP). (<http://eurlex.europa.eu/LexUriServ/LexUriServ.do?uri=14OJ:L:2005:191:0029:0029:EN:PDF>)
- Duan HB, Huang QF, Wang Q, Zhou BY, Li JH (2008). Hazardous waste generation and management in China: a review. *Journal of Hazardous Materials* 2008;158:221–7.
- Huo X, Peng L, Xu X, Zheng L, Qiu B, Qi Z, et al (2007) Elevated blood levels of children in Guiyu, an electronic waste recycling town in China. *Environmental Health Perspectives* 2007;115:1113–7.
- Jaiswal A, Samuel C, Patel BS, Kumar M (2015). Go green with WEEE: eco-friendly approach for handling e-waste. *Procedia Comput Sci* 2015;46:1317–24.
- Journal of Material Cycles and Waste Management* 2008;10:188–97.
- Leung A, Cai ZW, Wong MH (2006). Environmental contamination from electronic-waste recycling at Guiyu, Southeast China. *Journal of Material Cycles and Waste Management* 2006;8:21–33.
- Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Sắc lệnh chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa số 63, ngày 16/3/2007)
- Mai Thế Toàn & Lại Văn Mạnh, “Giới thiệu khung pháp lý thực hiện kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam”, *Tạp chí Môi trường*, 2022, no. 1, tr. 24-28.
- McDonald, B.D.; Decker, J.W.; Johnson, B.A.M. (2020). "You don't always get what you want: The effect of financial incentives on state fiscal health". *Public Administration Review*. 81 (3): 365–374. doi:10.1111/puar.13163.
- Ministry of Environmental Protection of PRC (MEP) (1999). Measures on Duplicated Form for Transfer of Hazardous Wastes Measures on the Management of Hazardous Waste Manifests. MEP, Beijing, China, 1999 [in Chinese].
- Ministry of Environmental Protection of PRC (MEP) (2008). National Catalogue of Hazardous Wastes. MEP, Beijing, China, 2008 [in Chinese].
- Nguyễn Hồng Thắng (2009). *Vận dụng nguyên tắc đánh thuế trong thực tiễn*, *Tạp chí Phát triển kinh tế* số 220 - tháng 2/2009
- Nguyễn Ngọc Lý, Đoàn Vũ Thảo Ly, Đào Thị Ngọc Anh & Đoàn Bảo Hân, “Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) và cơ hội hợp thức hóa các lao động thu gom rác thải phi chính thức”, *Tạp chí Môi trường*, 2024, no. 12, tr. 54-57.

- Nguyễn Thanh Tuyền, Nguyễn Ngọc Thanh (2001), *Giáo trình Thuế*, Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh và Viện Nghiên cứu tài chính, Nxb. Thống kê, Hồ Chí Minh 2001.
- Nguyễn Thị Thoa, "Thực hiện trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất ở Việt Nam", *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*, 2022, no. 3, tr. 15-26.
- Ogushi Y, Kandlikar M (2007). Assessing extended producer responsibility laws in Japan. *Environ Sci Technol* 2007;41:4502–8.
- Organization for Economic Co-operation and Development (OECD) (2001). *Extended producer responsibility: a guidance manual for governments*. Paris; 2001.
- Pang Wuji, "Diện tích sử dụng đất xây dựng trên một đơn vị GDP của Trung Quốc đã giảm 21,51% trong 5 năm", 12/01/2023, [sina.com.cn /articles/view/1784473157/6a5ce64502002nukd](http://sina.com.cn/articles/view/1784473157/6a5ce64502002nukd), truy cập ngày 20/11/2024.
- Rosen, H. S., & Gayer, T. (2021). *Public Finance* (11th ed.). New York: McGraw-Hill Education.
- Sakai S, Ikematsu T, Hirai Y, Yoshida H (2008). Unit-charging programs for municipal solid waste in Japan. *Waste Management* 2008;28:2815–25.
- Tsai WT, Chou YH (2004). A review of environmental and economic regulations for promoting industrial waste recycling in Taiwan. *Waste Management* 2004;24: 1061–9.
- Wang T, Mao JS, Johnson J, Reck BK, Graedel TE (2008). Anthropogenic metal cycles in China.
- Wei MS, Huang KH (2001). Recycling and reuse of industrial wastes in Taiwan. *Waste Management* 2001;21:93–7.
- Williams E, Kahhat R, Allenby B, Kavazanjian E, Kim J, Xu M (2008). Environmental, social, and economic implications of global reuse and recycling of personal computers. *Environmental Science and Technology* 2008;42:6446–54.
- Wu Yang, "Ba năm thực hiện Luật Thuế bảo vệ môi trường, lượng ô nhiễm trên mỗi 10.000 nhân dân tệ GDP đã giảm 25,8%", http://k.sina.com.cn/article_6105713761_16bedcc6102000z4v0.html, truy cập ngày 27/10/2024.
- Xie Hongtao, Zhang Jianshun: "Đánh giá lại tác động của chính sách ưu đãi thuế đối với việc sử dụng toàn diện nguồn lực - Phân tích thực nghiệm dựa trên dữ liệu khảo sát nguồn thuế", *Tài chính đương đại*, số 3 năm 2020, tr.38.
- Yang JX, Lu B, Xu C. (2008) WEEE flow and mitigating measures in China. *Waste Management*

Yoshida F (2007). The Cyclical Economy of Japan. 2nd ed. Hokkaido, Japan: Hokkaido University Press; 2007.

Zhang Ke: "Ngành bảo vệ sinh thái và môi trường đối mặt với cơ hội mới và các hiệp hội ngành khuyến khích các công nghệ đột phá", <https://www.yicai.com/news/101938575.html>, truy cập ngày 20/10/2024.

Zhu CaiYun: "Giá trị sản lượng của ngành bảo tồn năng lượng và bảo vệ môi trường ở Trung Quốc đã tăng trưởng với tốc độ trung bình hàng năm hơn 10%", <https://cj.sina.com.cn/articles/view/1726918143/66eeadff02001gj3r>, truy cập ngày 01/11/2024.

Phụ lục 1: Danh mục ưu đãi thuế GTGT cho các sản phẩm dịch vụ sử dụng tài nguyên toàn diện (năm 2022)

Loại	Số hiệu	Tên tài nguyên sử dụng toàn diện	Tên sản phẩm và dịch vụ sử dụng toàn diện	Tiêu chuẩn kỹ thuật và điều kiện liên quan	Tỷ lệ hoàn thuế
1. Tài nguyên khoáng sản tổng hợp và liên quan	1.1	Dầu đá phiến	Sản xuất dầu đá phiến từ nguyên liệu	Nguyên liệu sản phẩm từ tài nguyên được liệt kê chiếm trên 95%.	70%
	1.2	Khí mỏ than (khí mỏ) trong quá trình khai thác than	Sản xuất điện năng từ nhiên liệu	Nhiên liệu sản phẩm từ tài nguyên được liệt kê chiếm trên 95%	100%
	1.3	Bùn dầu từ khai thác dầu	Chất phụ gia nhũ hóa, vật liệu chống thấm	Nguyên liệu sản phẩm từ tài nguyên được liệt kê chiếm trên 70%	70%
2. Chất thải, nước thải (lỏng), khí thải	2.1	Chất thải rắn	Gạch, gạch không nung, tấm tường, ống, bê tông, vữa, nắp cống, hàng rào đường, vật liệu chống cháy, vật liệu chịu lửa (trừ gạch magnesi)	Nguyên liệu sản phẩm từ tài nguyên được liệt kê chiếm trên 70%.	70%
	2.2	Chất thải rắn	Xi măng, clanhke xi măng	Nguyên liệu xi măng từ tài nguyên được liệt kê chiếm trên 20% đối với xi măng loại 1.4.2.5 và trên 40% đối với các loại khác; người nộp thuế phải tuân thủ các yêu	70%

				cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn phát thải ô nhiễm khí thải ngành xi măng.	
2.3	Chất thải xây dựng, đá thải than	Vật liệu đá xây dựng	Nguyên liệu sản phẩm từ tài nguyên được liệt kê chiếm trên 90%; Sản phẩm từ chất thải xây dựng phải tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật về vật liệu tái chế.	50%	
2.4	Tro than, đá thải than	Nhôm oxit, silicat hoạt tính, vật cách điện bằng sứ, cao lanh nung	Nguyên liệu sản xuất nhôm oxit, silicat hoạt tính từ tài nguyên được liệt kê chiếm trên 25%.	50%	
2.5	Đá thải than, bùn than, đá phiến dầu	Điện năng, nhiệt năng	Hơn 25% nguyên liệu thô để sản xuất alumina và canxi silicat hoạt tính đến từ các tài nguyên được liệt kê ở trên, hơn 30% nguyên liệu thô để sản xuất sứ cách điện là than và hơn 90% nguyên liệu thô để sản xuất cao lanh nung là than.	50%	
2.6	Bùn đỏ nhôm, xỉ canxi	Oxit sắt, dung dịch natri hydroxide, natri aluminat, canxi aluminat, chất khử lưu huỳnh	1. Hơn 60% nhiên liệu sản phẩm có nguồn gốc từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Người nộp thuế tuân thủ "Tiêu chuẩn phát thải chất ô nhiễm không khí từ các nhà máy nhiệt điện" (GB 13223-2011) và "Điện	50%	

				Yêu cầu kỹ thuật được quy định tại "Hệ thống chỉ số đánh giá sản xuất sạch công nghiệp dành cho các doanh nghiệp phát điện than".	
	2.7	Bùn đỏ alumina, xỉ cacbua	Oxit sắt, dung dịch natri hydroxit, natri aluminat, tricanxi aluminat, chất khử lưu huỳnh	1. Hơn 90% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Không tạo ra cặn thải thứ cấp trong quá trình sản xuất.	50%
	2.8	Than chì phế liệu	Các phần có hình dạng đặc biệt bằng than chì, khối than chì, bột than chì, bộ chế hòa khí than chì	1. Hơn 90% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Người nộp thuế tuân thủ "Tiêu chuẩn phát thải chất ô nhiễm không khí từ lò nung công nghiệp" (GB 9078-1996) yêu cầu kỹ thuật.	50%
	2.9	Rác và khí sinh học được tạo ra từ quá trình lên men rác	Điện năng, nhiệt năng	1. Hơn 80% nhiên liệu sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Người nộp thuế tuân thủ "Tiêu chuẩn phát thải chất ô nhiễm không khí từ nhà máy nhiệt điện" (GB 13223-2011) hoặc "Tiêu chuẩn phát thải chất ô nhiễm không khí từ nhà máy nhiệt điện" Yêu cầu kỹ thuật được quy định trong "Tiêu chuẩn kiểm soát ô nhiễm khi đốt chất thải sống" (GB 18485-2014).	100%

	2.10	Thuốc phóng xạ quân sự đã hết hạn	Bột nitrat cellulose dùng cho sơn	Hơn 90% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê;	50%
	2.11	Bê tông nhựa thải	Bê tông nhựa tái chế	1. Hơn 30% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Sản phẩm tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật quy định trong "Bê tông nhựa tái chế" (GB/T 25033-2010).	50%
	2.12	Bã mía	Bột bã mía, ván dăm bã mía và giấy	1. Hơn 70% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Người nộp thuế sản xuất bột bã mía và các loại giấy đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại "Hệ thống chỉ số đánh giá sản xuất sạch ngành công nghiệp giấy và bột giấy".	50%
	2.13	Dầu khoáng thải	Dầu gốc bôi trơn, xăng, dầu diesel và các loại dầu công nghiệp khác	1. Hơn 90% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Người nộp thuế đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại "Quy chuẩn kỹ thuật về kiểm soát ô nhiễm khi tái chế và sử dụng dầu khoáng thải" (HJ 607-2011); 3. Công suất khai thác dầu khoáng thải hàng năm của một dự án xây dựng nhằm tận dụng tổng hợp dầu khoáng thải không được nhỏ hơn 10.000 tấn (trừ các trung tâm xử lý chất thải nguy hại tại địa phương đã được phê duyệt). Công suất sử dụng hàng năm của một dự án xây dựng của doanh nghiệp mới, cải tạo, mở	50%

				rộng không dưới 30.000 tấn. Công suất sử dụng hàng năm căn cứ vào khối lượng được phê duyệt trong báo cáo đánh giá môi trường của dự án và văn bản phê duyệt đánh giá môi trường tương ứng; 4. Mức tiêu hao năng lượng toàn diện cho quá trình tinh chế và tái sinh dầu gốc bôi trơn từ dầu khoáng thải phải nhỏ hơn 900 kWh/tấn.	
	2.14	Nước thải từ quá trình oxy hóa hexan	Epoxy hexan, n-pentanol, dung môi rượu ete	1. Hơn 90% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Người nộp thuế phải đạt chứng nhận ISO9000 và ISO14000.	50%
	2.15	Nước thải từ nhà máy xử lý nước, nước thải công nghiệp (nước hầm mỏ), nước thải sinh hoạt	Nước tái chế	1. Nguyên liệu thô của sản phẩm có nguồn gốc 100% từ các nguồn được liệt kê; 2. Sản phẩm phải đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng nước tái chế cho các mục đích sử dụng liên quan.	70%
	2.16	Bã rượu và nước đá nấu rượu, nước thải và bã thải từ chế biến tinh bột	Hơi nước, than hoạt tính, carbon trắng, axit lactic, canxi lactic, biogas, thức ăn chăn nuôi, protein thực vật	Hơn 80% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê;	70%

	2.17	Nước thải chứa dầu, nước thải hữu cơ, bùn thải sau xử lý, bùn dầu từ khai thác dầu	Protein vi sinh, chất điều hòa đất, nhiên liệu, điện, nhiệt	Hơn 90% nguyên liệu thô hoặc nhiên liệu của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê, trong số đó được tạo ra trong quá trình sản xuất dầu ở các mỏ dầu. Hơn 60% nguyên liệu cần dầu (cặn) để sản xuất nhiên liệu có nguồn gốc từ các nguồn tài nguyên được liệt kê.	90%
	2.18	Dầu nhựa than, khí than (khí lò cao)	Dầu diesel, naphta	1. Hơn 95% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Người nộp thuế phải đạt chứng nhận ISO9000 và ISO14000.	50%
	2.19	Khí thải sinh ra từ nhà máy nhiệt điện và các ngành công nghiệp	Thạch cao, axit sulfuric, amoni sunfat, lưu huỳnh	1. Hơn 95% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Hàm lượng canxi sunfat dihydrat trong thạch cao lớn hơn 85%, nồng độ axit sunfuric lớn hơn 15% và tổng lượng nitơ của amoni sunfat Nội dung là hơn 18%.	50%
	2.20	Khí thải công nghiệp, khí thải hydro clorua, hydro sản phẩm phụ công nghiệp	Hydro cho pin nhiên liệu, hydro tinh khiết, hydro có độ tinh khiết cao và hydro siêu tinh khiết, carbon dioxide có độ tinh khiết cao, hydro công nghiệp, metan, clo (lỏng)	1. Hơn 95% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Carbon dioxide có độ tinh khiết cao tuân thủ "Carbon Dioxide có độ tinh khiết cao" (GB/T 23938-2009), hydro công nghiệp tuân thủ "Hydrogen công nghiệp phần 1" (GB/T 3634.1-2006) và khí mê-tan tuân thủ "Tinh khiết Metan và Metan có độ tinh khiết cao" (GB/T 33102-2016), clo (lỏng) đáp ứng các yêu cầu của	70%

				Các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong "Quy định an toàn về clo" (GB 11984-2008), hydro được sử dụng trong pin nhiên liệu tuân thủ "Hydro nhiên liệu cho phương tiện chạy pin nhiên liệu màng trao đổi proton" (GB/T 37244-2018) và hydro tinh khiết, hydro có độ tinh khiết cao và hydro siêu tinh khiết tuân thủ "Hydro Phần 2: Hydro tinh khiết, hydro có độ tinh khiết cao và hydro siêu tinh khiết" (GB/T 3634.2—2011).	
	2.21	Khí chuyển đổi, khí lò cao..v.v., khí đười hóa học, khí tổng hợp sinh khối, khí tổng hợp khí hóa rác..v.v.	Ethanol nhiên liệu bị biến tính (độ tinh khiết $\geq 99,5\%$)	1. Hơn 85% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Ethanol, v.v. đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định trong "Ethanol nhiên liệu biến tính" (GB 18350-2013).	70%
	2.22	Nhiệt thải và áp suất phát sinh trong quá trình sản xuất công nghiệp	Điện năng, nhiệt năng	Nguyên liệu sản phẩm có nguồn gốc 100% từ các nguồn được liệt kê.	100%
3. Tài nguyên tái chế	3.1	Pin đã qua sử dụng và phế liệu của chúng	Kim loại và hợp chất nickel-cobalt-mangan, lithium nickel-cobalt-	1. Nguyên liệu sản phẩm từ tài nguyên được liệt kê chiếm trên 95%. 2. Niken coban mangan hydroxit tuân thủ "Hydroxit hỗn hợp ba nguyên tố niken, coban và mangan" (GB/T	50%

			mangan, cobalt chloride	26300-2020), lithium cacbonat tuân thủ "Lithium Carbonate" (GB/T 11075-2013) và lithium clorua tuân thủ với "Lithium clorua khan" (GB/T 10575-2007), lithium florua tuân thủ "Lithium Fluoride" (GB/T 22666-2008), coban clorua tuân thủ "Coban clorua tinh chế" (GB/T 26525-2011), coban sunfat tuân thủ "Coban sunfat tinh chế" (GB/T 26523-2011), niken sunfat tuân thủ "Niken sunfat tinh chế" (GB/T26524-2011) và lithium hydroxit tuân thủ "Lithium Hydroxide Monohydrat" (GB/T 8766 -2013) yêu cầu kỹ thuật quy định; 3. Đối với các doanh nghiệp tham gia tái chế, tỷ lệ thu hồi toàn diện của niken, coban và mangan không được dưới 98%, tỷ lệ thu hồi của lithium không được dưới 85% và tỷ lệ thu hồi toàn diện của các kim loại có giá trị lớn khác như đất hiếm không được nhỏ hơn 97%. Nếu sử dụng công nghệ sửa chữa vật liệu thì tỷ lệ thu hồi vật liệu không được nhỏ hơn 90%. Tỷ lệ tái chế nước thải quá trình phải đạt trên 90%.	
	3.2	Dung dịch rửa phim đã qua sử dụng, phim giấy, giấy ảnh, các vật	Bạc	1. Hơn 95% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Người nộp thuế phải đạt chứng nhận ISO9000 và ISO14000.	30%

		liệu nhạy sáng khác			
	3.3	Động cơ đã qua sử dụng, dây cáp điện, vỏ lon nhôm, xe ô tô đã hỏng, xe máy đã hỏng, tàu thủy đã hỏng, sản phẩm điện tử cũ, thiết bị quang năng đã hỏng, bóng đèn cũ và phế liệu của chúng	Kim loại và hợp kim (không bao gồm sắt và hợp kim sắt)	1. Hơn 70% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Nếu luật, quy định hoặc quy định quy định điều kiện đủ điều kiện để tháo dỡ chất thải liên quan thì người nộp thuế phải có trình độ chuyên môn tương ứng.	30%
	3.4	Chất xúc tác thải, chất thải điện phân, chất thải mạ, bảng mạch in đã qua sử dụng, tro bụi, bùn ướt, xỉ nóng chảy, dung dịch etching bằng	Kim loại, hợp kim và hợp chất kim loại đã qua xử lý (không bao gồm sắt và hợp kim sắt), cryolit	1. Hơn 70% nguyên liệu sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Người nộp thuế phải đạt chứng nhận ISO9000 và ISO14000.	30%

		mạch, tro giấy thiếc			
	3.5	Xe ô tô đã hỏng, xe máy đã hỏng, tàu thủy đã hỏng, sản phẩm điện tử cũ, máy móc nông nghiệp đã hỏng, thiết bị đã hỏng, đồ dùng sinh hoạt đã hỏng, vật liệu công nghiệp thừa và chất thải xây dựng	Nguyên liệu lò thép	1. Hơn 95% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Phí luyện thép tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật quy định tại "Thép phế liệu" (GB 4223-2017); 3. Nếu luật, quy định hoặc quy định quy định điều kiện đủ điều kiện để tháo dỡ chất thải liên quan thì người nộp thuế phải có trình độ chuyên môn tương ứng; 4. Người nộp thuế tuân thủ các quy định có liên quan tại "Điều kiện tiếp cận ngành công nghiệp chế biến thép phế liệu" của Bộ Công nghiệp và Công nghệ thông tin; 5. Phí luyện thép phải được bán cho các công ty thép (trừ công ty đúc) tuân thủ và công bố "Điều kiện tiêu chuẩn ngành thép" do Bộ Công nghiệp và Công nghệ thông tin ban hành.	30%
	3.6	Chất thải trong chế biến sản phẩm đất hiếm, sản phẩm đất hiếm đã qua sử dụng và phế liệu của chúng	Kim loại đất hiếm và oxit đất hiếm	1. Hơn 95% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Người nộp thuế đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại "Hệ thống chỉ số đánh giá sản xuất sạch ngành công nghiệp luyện đất hiếm".	30%

	3.7	Nhựa phế thải, nhựa tổng hợp phế thải	Nhựa tái chế biến tính, hạt nhựa tái chế, mảnh chai tái chế, vật liệu nghiền nhựa, sản phẩm nhựa tái chế, sản phẩm tái chế vật liệu composite nhựa thải, sản phẩm tái chế hóa chất nhựa	1. Hơn 70% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Hàm lượng tạp chất của vật liệu đặc biệt polyester tái chế dành cho sợi hóa học nhỏ hơn 0,5 mg/g và độ ẩm nhỏ hơn 1%. Phần khối lượng acetaldehyd của nhựa polyetylen terephthalate (PET) tái chế dùng cho chai nhỏ hơn hoặc bằng tới 1ug/g; 3. Người nộp thuế phải đạt chứng nhận ISO9000 và ISO14000; 4. Công suất xử lý nhựa phế thải hàng năm của các doanh nghiệp sản xuất mảnh chai tái chế bằng polyetylen terephthalate (PET) không được dưới 20.000 tấn; 5. Công suất xử lý nhựa phế thải hàng năm của các doanh nghiệp tái chế, tạo hạt nhựa không dưới 3.000 tấn; 6. Mức tiêu thụ điện năng toàn diện của các liên kết sản xuất liên quan đến gia công tái chế nhựa dưới 500 kWh/tấn nhựa thải; 7. Tổng mức tiêu thụ nước mới của các doanh nghiệp sản xuất mảnh chai tái chế bằng polyetylen terephthalate (PET) và các doanh nghiệp nghiền, làm sạch và phân loại nhựa thải là dưới 1,5 tấn/tấn nhựa thải. Mức tiêu thụ nước mới toàn diện của các doanh	70%
--	-----	---------------------------------------	---	---	-----

				nghiệp tái chế và tạo hạt nhựa là dưới 0,2 tấn/tấn nhựa thải.	
3.8	Màng nông nghiệp phế thải	Sản phẩm nhựa tái chế, hạt nhựa tái chế	1. Hơn 70% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Người nộp thuế phải đạt chứng nhận ISO9000 và ISO14000.	100%	
3.9	Giấy vụn, rơm rạ	Bột giấy, bột giấy và giấy rơm	1. Hơn 70% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Việc xả nước thải tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật quy định trong "Tiêu chuẩn xả chất ô nhiễm vào nước của ngành công nghiệp giấy và bột giấy" (GB 3544-2008); 3. Người nộp thuế đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định tại "Hệ thống chỉ số đánh giá sản xuất sạch hơn cho ngành giấy và bột giấy"; 4. Người nộp thuế phải đạt chứng nhận ISO9000 và ISO14000.	50%	
3.10	Lốp thải, sản phẩm cao su thải	Bột cao su, lốp đắp lại, cao su tái chế, lốp thải/dầu tái chế cao su, lốp thải/cao su nứt nhiệt cacbon đen	1. Hơn 70% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Bột cao su tuân thủ "Bột cao su lưu hóa" (GB/T 19208-2020); lốp đắp lại tuân thủ "Bột cao su lưu hóa" (GB/T 19208-2020); "Lốp đắp lại cho xe hạng nặng" (GB 7037-2007) hoặc "Lốp đắp lại cho ô tô chở khách" (GB 14646-2007) hoặc	70%	

				"Lốp đắp lại cho máy móc kỹ thuật" (HG/T 3979-2007). "Thông số kỹ thuật chung cho cao su tái chế" (GB /T 13460-2016), dầu tái sinh lốp/cao su phế thải tuân thủ "Dầu tái sinh lốp thải/cao su thải" (T/CTRA 01-2020), lốp thải/cao su bị nứt do nhiệt muối than tuân thủ "Đen cacbon nhiệt phân lốp thải" (HG/T 5459-2018) và "Thông số kỹ thuật về nứt nhiệt lốp xe thải và cao su thải" (GB/T 40009-2021); 3. Người nộp thuế phải đạt chứng nhận ISO9000 và ISO14000; 4. Thủ tục sử dụng đất trong khu vực nhà máy của doanh nghiệp sử dụng toàn diện lốp thải là hợp pháp (hợp đồng thuê không dưới 15 năm); 5. Tiêu thụ năng lượng đắp lại lốp: Mức tiêu thụ năng lượng toàn diện của phương pháp tiền lưu hóa nhỏ hơn 15 kWh/thanh chuyển đổi tiêu chuẩn, Mức tiêu thụ năng lượng toàn diện của phương pháp đúc khuôn nhỏ hơn 18 kWh/thanh chuyển đổi tiêu chuẩn. Tiêu thụ năng lượng để xử lý lốp thải: Bắt đầu từ việc nghiền nát toàn bộ lốp xe, mức tiêu thụ năng lượng toàn diện của sản xuất cao su tái chế nhỏ hơn 850 kWh/tấn (trừ thiết bị dẻo mới); 350 kWh/tấn (40 (Ngoại trừ các mục trên); Mức tiêu thụ năng lượng toàn diện cho xử lý vết nứt nhiệt nhỏ hơn 200 kWh/tấn,	
--	--	--	--	--	--

				trong đó mức tiêu thụ năng lượng của quá trình nghiền nhỏ hơn 120 kWh/tấn và mức tiêu thụ năng lượng của quá trình Cracking nhiệt nhỏ hơn 80 kWh/tấn.	
	3.11	Phế liệu sợi tự nhiên và các sản phẩm của chúng, sợi hóa học và các sản phẩm của chúng, các hỗn hợp sợi thải khác nhau và các sản phẩm của chúng	Sợi và vải sợi, vải không dệt, ni, chất kết dính và các sản phẩm polyester tái chế, bột giấy, sợi tái chế, tấm composite, vật liệu phục hồi sinh thái	1. Nguyên liệu để sản xuất sản phẩm polyester tái chế là 100% từ các nguồn tài nguyên đã liệt kê; 2. Hơn 70% nguyên liệu thô để sản xuất các sản phẩm khác có nguồn gốc từ các nguồn tài nguyên đã liệt kê.	70%
	3.12	Tóc người	Sợi tóc	Nguyên liệu sản phẩm từ tài nguyên được liệt kê chiếm trên 90%.	70%
	3.13	Thủy tinh thải	Clanhke thủy tinh	1. Hơn 90% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Sản phẩm tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật của "Mã và phân loại thủy tinh thải" (GB/T 36577-2018); 3. Việc phân loại thủy tinh thải không được sử dụng phương pháp rửa bằng nước.	90%
	3.14	Xỉ cadimi	cadimi kim loại	Hơn 99% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê;	100%

4. Phế phẩm nông lâm và các loại khác	4.1	Chất thải nhà bếp, phân gia súc, gia cầm, trấu, vỏ đậu phộng, lõi ngô, vỏ hoa trà, vỏ hạt bông, thức ăn thừa, củi thứ cấp, rơm rạ, bã mía và khí sinh học được tạo ra từ quá trình lên men của các nguồn tài nguyên trên	Viên nén sinh khối, vật liệu nghiền sinh khối, khí sinh học tự nhiên, khí nhiệt phân, khí sinh học, dầu sinh học, điện, nhiệt	1. Hơn 80% nguyên liệu thô hoặc nhiên liệu của sản phẩm có nguồn gốc từ các nguồn tài nguyên được liệt kê; 2. Người nộp thuế tuân thủ "Tiêu chuẩn phát thải chất gây ô nhiễm không khí nồi hơi" (GB 13271-2014), "Tiêu chuẩn phát thải chất ô nhiễm không khí của nhà máy nhiệt điện" (GB 13223-2011) hoặc "Tiêu chuẩn kiểm soát ô nhiễm do đốt rác thải sinh hoạt" (GB 18485-2014) yêu cầu kỹ thuật theo quy định.	100%
	4.2	Ba phế phẩm khai thác, sản xuất, chế biến nông lâm; củi tiểu nhỏ, rơm rạ, salix, lõi ngô	Ván sợi, ván dăm, ván MDF, than sinh học, than hoạt tính, keo, cồn thủy phân, cellulose, lignin, xylitol, đường arabin, furfural, giấy thùng	Hơn 95% nguyên liệu thô hoặc nhiên liệu của sản phẩm có nguồn gốc từ các nguồn tài nguyên được liệt kê;	90%

	4.3	Dầu động vật thải và dầu thực vật	Diesel sinh học, dầu hòa trộn cấp công nghiệp	Nguyên liệu sản phẩm từ tài nguyên được liệt kê chiếm trên 70%.	70%
5. Dịch vụ sử dụng tài nguyên toàn diện	5.1	Dịch vụ xử lý rác thải, xử lý bùn		Xử lý chất thải sinh hoạt phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật được quy định trong "Tiêu chuẩn kiểm soát ô nhiễm đối với việc đốt rác thải sinh hoạt" (GB 18485-2014) hoặc "Tiêu chuẩn kiểm soát ô nhiễm đối với các bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt" (GB 16889-2008).	70%
	5.2	Dịch vụ xử lý nước thải		Sau khi xử lý, nước thải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định trong "Tiêu chuẩn xả chất ô nhiễm cho các nhà máy xử lý nước thải đô thị" (GB 18918-2002) hoặc đạt giới hạn xả thải trực tiếp trong tiêu chuẩn xả thải chất ô nhiễm quốc gia hoặc địa phương tương ứng.	70%
	5.3	Dịch vụ xử lý khí thải công nghiệp		Sau khi xử lý và xử lý, khí thải công nghiệp đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật quy định trong "Tiêu chuẩn phát thải toàn diện về các chất ô nhiễm không khí" (GB 16297-1996) hoặc đạt giới hạn phát thải trực tiếp trong các tiêu chuẩn phát thải chất gây ô nhiễm không khí quốc gia hoặc địa phương tương ứng.	70%

Phụ lục 2. Danh mục ưu đãi thuế TNDN cho các doanh nghiệp sử dụng tài nguyên toàn diện (năm 2021)

Loại	Số hiệu	Tài nguyên sử dụng toàn diện	Sản phẩm sản xuất ra	Tiêu chuẩn kỹ thuật
1. Tài nguyên khoáng sản cộng sinh và liên quan	1.1	Tài nguyên khoáng sản, khí đốt đi kèm của hệ thống than	Cao lanh, bauxit, bentonite, điện, nhiệt và khí đốt	1. Nguyên liệu thô của sản phẩm có nguồn gốc 100% từ các nguồn được liệt kê. 2. Nguyên liệu thô của sản phẩm có nguồn gốc từ chất thải từ quá trình phát triển than. 3. Sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn ngành.
	1.2	Khoáng sản kim loại màu, khoáng sản kim loại màu, khoáng sản phi kim loại đi kèm và tài nguyên khoáng sản liên quan	Các sản phẩm tài nguyên khoáng sản cộng đi kèm và liên quan	1. 100% nguyên liệu sản phẩm đến từ các nguồn được liệt kê 2. Tài nguyên khoáng sản đi kèm và có liên quan chưa đạt phẩm cấp công nghiệp.
2. Nước thải (lông), khí thải, cặn thải	2.1	Đá thải than, nhớt than, chất thải hóa học, tro bay, chất thải, đá thải, xỉ	Gạch (ngói), điện, nhiệt, lấp đầy lòng đất bằng than và khai thác mỏ để thay thế	1. Hơn 70% nguyên liệu sản xuất sản phẩm VLXD có nguồn gốc từ các nguồn tài nguyên đã liệt kê. Nguyên liệu thô dùng để sản xuất các sản phẩm khác có nguồn gốc 100% từ các nguồn được liệt kê.

		luyện kim (xỉ thép, xỉ luyện kim màu, bùn đỏ), phụ phẩm công nghiệp thạch cao, vật liệu nạo vét từ kênh cảng, bùn sông (kênh) , cát, v.v., cát lắng đọng gió, chất thải xây dựng, xỉ đốt rác thải sinh hoạt	than chậm chạp, khối, vật liệu tường mới, sản phẩm thạch cao và tro bay thương mại, cốt liệu cát và sỏi xây dựng, vật liệu xương tái chế chất thải xây dựng đường bộ, cốt liệu phân loại tái chế , hỗn hợp cốt liệu vô cơ tái chế, bê tông thương mại trộn sẵn, vữa trộn sẵn, vữa trộn sẵn, các bộ phận đúc sẵn vữa, các bộ phận bê tông đúc sẵn, đất chấn, xỉ lò cao dạng hạt, bột xỉ thép, thủy tinh vi tinh thể, len đá,	2. Việc sử dụng than đá và nhốt than để sản xuất điện và sản phẩm nhiệt phải tuân thủ yêu cầu của “Biện pháp quản lý sử dụng tổng hợp than đá”. 3. Sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn ngành.
--	--	--	--	---

			len xỉ, alumina, clanhke xi măng	
	2.2	Phế liệu kim loại (thép phế liệu, đồng phế liệu, nhôm phế liệu...), xỉ luyện kim (xỉ thép, xỉ luyện kim màu, bùn đỏ...), xỉ thải hóa học được xã hội tái chế	Kim loại (kể cả kim loại quý hiếm), vật liệu hợp kim sắt, bột cô đặc, muối clorua (kali clorua, natri clorua, v.v.), silicat và các dẫn xuất của chúng	1. Hơn 70% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê. 2. Sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn ngành.
	2.3	Chất thải và cặn thải của ngành công nghiệp hóa chất, dệt may và giấy	Bạc, muối, kẽm, chất xơ, kiềm, lanolin, rượu polyvinyl, natri sunfua, natri sulfite, natri thiocyanate, axit nitric, muối sắt, muối crom, lignosulfonate, axit axetic, axit	1. Hơn 70% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê. 2. Sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn ngành.

			oxalic, natri axetat, axit clohydric, chất kết dính, rượu, vanillin, men thức ăn, phân bón, glycerin, acetonitril	
	2.4	Chất lỏng làm muối (nước muối đắng) và chất thải axit boric	Kali clorua, kali nitrat, brom, magie clorua, magie hydroxit, nitrat khan, thạch cao, magie sunfat, kali sunfat, phân bón	Hơn 70% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn được liệt kê.
	2.5	Nước thải công nghiệp và khai thác mỏ, bùn thải đô thị	Nước tái chế, cải tạo đất, phân bón hữu cơ	1. Nguyên liệu nước tái chế có nguồn gốc 100% từ các nguồn tài nguyên được liệt kê. 2. Hơn 80% nguyên liệu thô để xử lý đất và phân bón hữu cơ có nguồn gốc từ các nguồn tài nguyên đã liệt kê. 3. Sản phẩm tuân thủ loạt tiêu chuẩn quốc gia "Tái chế nước thải đô thị", "Tiêu chuẩn chất lượng nước tái chế" hoặc tiêu chuẩn chất lượng nước tái chế cho các mục đích liên quan.

	2.6	Khí lò cốc, khí chuyển đổi, khí lò cao, khí thải lò chìm, khí thải hóa học, khí thải hóa học dầu mỏ (nhà máy lọc dầu), khí thải lên men, khí đuôi carbon đen, carbon dioxide, khí thải hydro clorua, khí tổng hợp sinh khối	Điện, nhiệt, lưu huỳnh, axit sulfuric, amoni photphat, amoni sunfat, thạch cao khử lưu huỳnh, khí dễ cháy, hydrocacbon nhẹ, hydro, sắt sunfat, kim loại màu, carbon dioxide (độ tinh khiết $\geq 99,9\%$), đá khô, metanol, amoniac tổng hợp, metan, Ethanol nhiên liệu biến tính (độ tinh khiết $\geq 99,5\%$), ethanol Clostridium protein/protein vi khuẩn (protein thô 80%), khí tự	1. Nguyên liệu thô của sản phẩm có nguồn gốc 100% từ các nguồn được liệt kê. 2. Các sản phẩm ethanol và protein tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn ngành.
--	-----	---	---	---

			nhiên, Khí clo (kể cả clo lỏng)	
3. Tài nguyên tái chế	3.1	Chất thải sản phẩm điện và điện tử, chất thải pin, chất thải vật liệu cảm quang, chất thải bóng đèn (ống), chất thải tấm quang điện mặt trời, tua bin gió	Kim loại (kể cả kim loại quý hiếm), sản phẩm phi kim loại	1. Hơn 90% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê. 2. Nguyên liệu thô của sản phẩm tuân thủ "Danh mục thải bỏ các sản phẩm điện và điện tử thải bỏ".
	3.2	Chất thải nhựa	Sản phẩm nhựa, sản phẩm nhựa gỗ (WPC)	1. Hơn 90% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê. 2. Sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn ngành.
	3.3	Lốp thải, cao su thải	Lốp xe tái chế, bột cao su, cao su tái chế, v.v.	1. Hơn 70% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê. 2. Sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn ngành.
	3.4	Chất thải sợi tự nhiên, sợi hóa học, hỗn hợp sợi thải khác nhau và các sản	Bột giấy, sợi và vải sợi, vải không dệt, nỉ, chất kết dính, polyester tái chế và các sản phẩm	1. Nguyên liệu thô để sản xuất polyester tái chế và các sản phẩm của nó được lấy 100% từ các nguồn tài nguyên được liệt kê. 2. Hơn 70% nguyên liệu thô để sản xuất các sản phẩm khác có nguồn gốc từ các nguồn tài nguyên đã liệt kê.

		phẩm của chúng, chai và mảnh chai polyester thải	của nó, sợi tái chế, khối nhiên liệu, tấm composite, vật liệu phục hồi sinh thái, nhựa kỹ thuật, v.v.	
	3.5	Rơm rạ và vỏ trấu (rơm rạ, vỏ hạt, lõi ngô, v.v.), phế phẩm lâm nghiệp, củi thứ cấp, bã mía, cặn furfural, cám nếp, ngũ cốc chưng cất, ngũ cốc thô, dư lượng y học cổ truyền Trung Quốc, đồ đặc phế thải, gia súc và gia cầm Chất thải chăn nuôi, chất thải	Ván sợi, ván dăm, ván khối, than bánh sinh khối, vật liệu nghiền sinh khối, khí sinh học, khí nhiệt phân, khí sinh học, dầu sinh học, điện, nhiệt, than sinh học, than hoạt tính, tannin, rượu thủy phân, cellulose, lignin, xyloza, arabinose, furfural, chất điều hòa đất, phân bón hữu cơ, thức ăn ép đùn, thức ăn viên,	1. Hơn 70% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê. 2. Sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn ngành.

		giết mổ gia súc, gia cầm, chất thải hữu cơ chế biến nông sản	que vi khuẩn, bột giấy, bột rơm, sản phẩm giấy, v.v.	
3. Tài nguyên tái chế	3.6	Dầu sinh khối thải, dầu bôi trơn thải	Dầu diesel sinh học, dầu pha trộn cấp công nghiệp, v.v.	1. Hơn 90% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê. 2. Sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn ngành.
	3.7	Thủy tinh thải, sợi thủy tinh thải	Clinker thủy tinh, sản phẩm sợi thủy tinh, vật liệu lõi tấm cách nhiệt chân không	1. Hơn 90% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê. 2. Sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn ngành.
	3.8	Phế liệu ô tô, phế liệu thiết bị văn phòng, phế liệu thiết bị công nghiệp, phế liệu thiết bị cơ điện	Động cơ, hộp số, máy lái, máy khởi động, máy phát điện, động cơ điện và các phụ tùng ô tô khác, thiết bị văn phòng, thiết bị công nghiệp, phụ tùng thiết bị cơ điện, v.v. được sản	Sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn quốc gia.

			xuất thông qua tái sản xuất	
	3.9	Chất thải nhà bếp	Phân bón hữu cơ, dầu thô, khí sinh học, v.v.	1. Hơn 80% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê. 2. Sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn ngành.
	3.10	Cát thải của xưởng đúc	Cát phủ cát tái chế, cát phủ hàm lượng amoniac thấp, cát tái chế	1. Hơn 70% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê. 2. Sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn ngành.
	3.11	Giấy thải	Sản phẩm bột giấy và giấy	1. Hơn 90% nguyên liệu thô của sản phẩm đến từ các nguồn tài nguyên được liệt kê. 2. Sản phẩm tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn ngành.